

Reaching the New Height

Vườn lên Tầm cao Mới

NỘI DUNG / CONTENTS



Giới thiệu chung về ngân hàng	4 - 5
Background	46 - 47
Số liệu tài chính giai đoạn 1994-2004	6 - 7
Financial highlight from 1994-2004	48 - 49
Mô hình tổ chức	8 - 9
Organizational structure 2004-2008	50 - 51
Phát biểu của chủ tịch Hội đồng quản trị	10 - 11
The chairman's message	52 - 53
Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động năm 2004	14 - 17
Report of the Chief Executive Officer	56 - 59
Báo cáo tài chính	18 - 19
Financial statement	60 - 61
Báo cáo kiểm toán	22 - 23
Report of the auditor	64 - 65
Thuyết minh báo cáo tài chính	30 - 44
Notes to the financial statement	72 - 86
Danh sách ngân hàng đại lý	87 - 91
List of military bank's correspondents	87 - 91
Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và các công ty trực thuộc	92 - 93
List of military bank's network and subsidiaries	92 - 93



GIỚI THIỆU



Được thành lập vào năm 1994, đến nay qua tròn 10 năm hoạt động, Ngân hàng Quân đội đã liên tục kinh doanh có hiệu quả và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá là một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu của Việt Nam.

Ngân hàng Quân đội phục vụ các đối tượng khách hàng đa dạng bao gồm các doanh nghiệp & cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong đó có doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các cá nhân. Với phương châm hoạt động an toàn, hiệu quả và luôn đặt lợi ích của khách hàng gắn liền với lợi ích của Ngân hàng, những năm qua, Ngân hàng Quân đội luôn là người đồng hành tin cậy của khách hàng và uy tín của Ngân hàng ngày càng được củng cố và phát triển.

Sự tăng trưởng về vốn và quy mô hoạt động của Ngân hàng luôn ổn định và liên tục trong suốt mười năm hoạt động. Vốn điều lệ của Ngân hàng tăng liên tục từ 20 tỷ đồng năm 1994 lên đến 350 tỷ đồng vào cuối năm 2004. Dự kiến Ngân hàng sẽ tiếp tục tăng vốn lên 450 tỷ đồng trong năm 2005 để phục vụ nhu cầu hoạt động. Tổng tài sản tăng tương ứng từ 32 tỷ đồng lên đến hơn 6.900 tỷ, lợi nhuận trước thuế tăng từ 4,8 tỷ đồng năm 1995 lên 105,391 tỷ đồng năm 2004, góp phần đưa Ngân hàng Quân Đội trở thành một trong những ngân hàng có mức lợi nhuận trước thuế cao nhất trong hệ thống các Ngân hàng TMCP trên địa bàn Hà Nội. Nếu xét chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu thì Ngân hàng Quân Đội luôn duy trì được mức ROE trên 20% trong những năm vừa qua. Chính vì vậy, tỷ lệ chia cổ tức hàng năm đạt 15-20%.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển, Ngân hàng Quân đội liên tục mở rộng mạng lưới hoạt động. Đến nay Ngân hàng Quân đội đã có 17 chi nhánh và phòng giao dịch tại các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng. Trong năm 2005, Ngân hàng có kế hoạch tiếp tục mở thêm 8 chi nhánh tại các đô thị trọng điểm để đáp lại sự tín nhiệm của khách hàng.

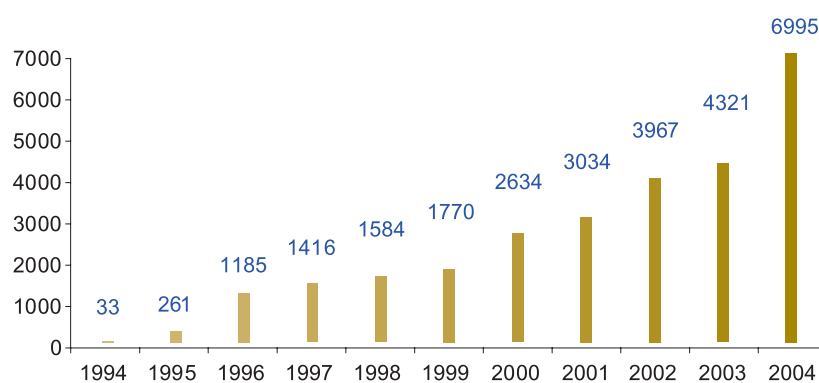
Cùng với việc mở rộng mạng lưới chi nhánh trong nước, Ngân hàng cũng rất chú trọng đến việc mở rộng quan hệ hợp tác & mạng lưới giao dịch với các ngân hàng trên thế giới. Cho đến nay mạng lưới các ngân hàng đại lý của Ngân hàng Quân đội đã mở rộng tới hơn 300 ngân hàng ở trên 56 quốc gia, đảm bảo thanh toán & giao dịch với tất cả các châu lục trên thế giới.

Song song với việc mở rộng mạng lưới hoạt động, Ngân hàng Quân đội luôn chú trọng công tác đầu tư phát triển nguồn lực và ứng dụng công nghệ mới. Với chủ trương này, chất lượng dịch vụ của Ngân hàng liên tục được cải thiện, mang lại cho khách hàng sự yên tâm, thuận tiện và hiệu quả khi sử dụng các dịch vụ của Ngân hàng.

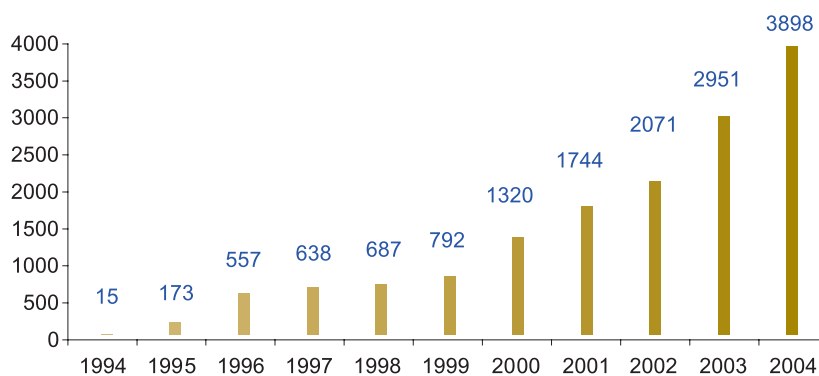
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



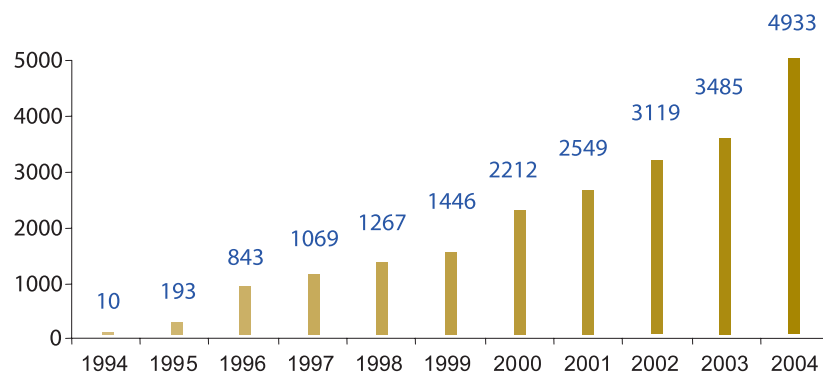
Tổng tài sản (Tỷ đồng)



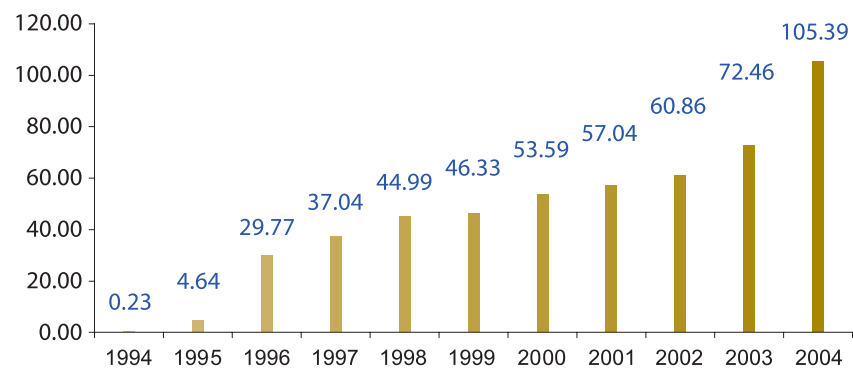
Tổng Dư nợ (Tỷ đồng)



Tổng Vốn huy động (Tỷ đồng)

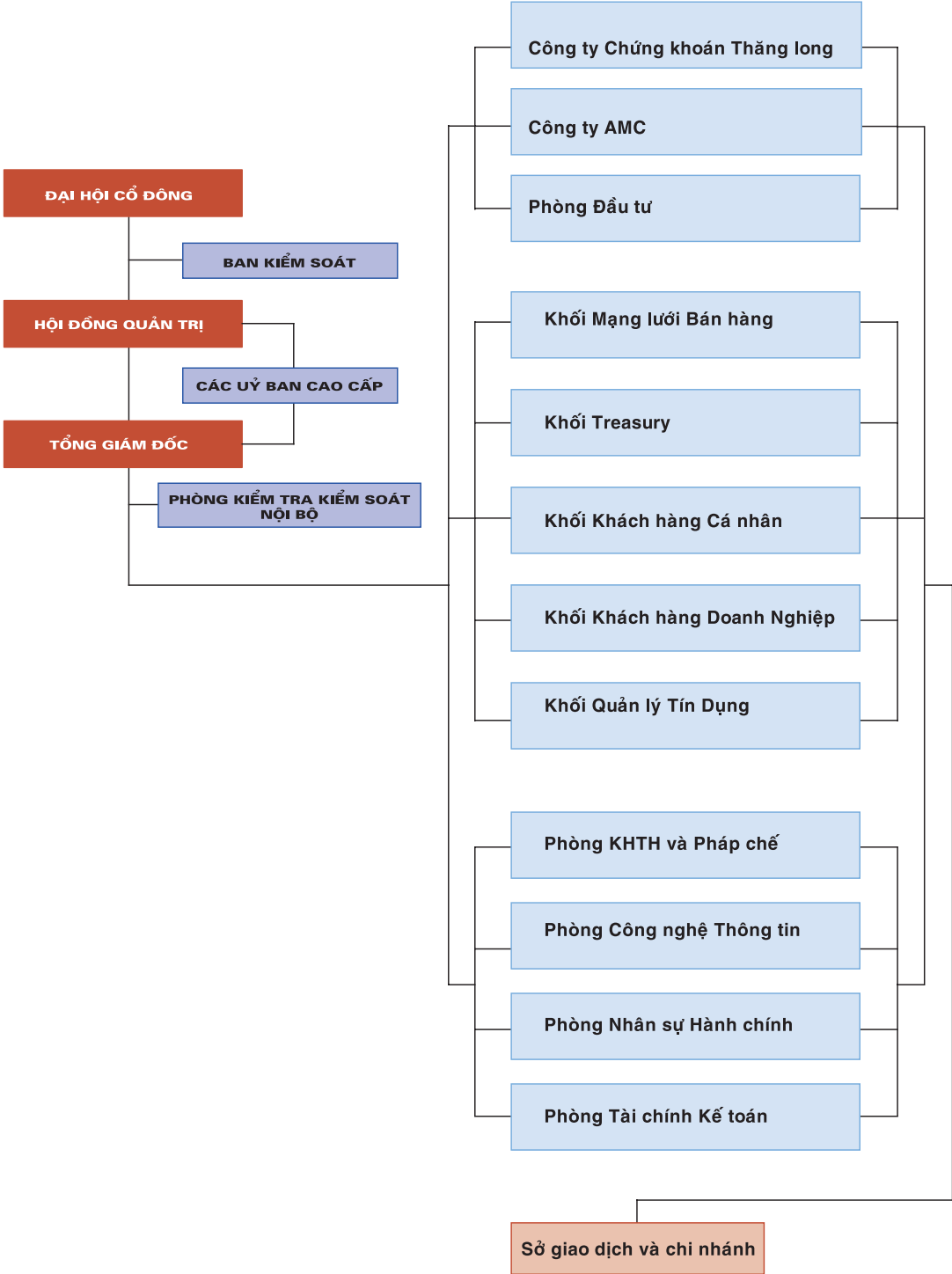


Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)





MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI NĂM 2004



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Tuấn

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2004 là một mốc thời gian đặc biệt đối với Ngân hàng Quân đội, đánh dấu 10 năm hình thành và phát triển của Ngân hàng.

Quãng thời gian 10 năm qua đã ghi nhận những bước phát triển kỳ diệu. Chất lượng kinh doanh của Ngân hàng luôn tăng trưởng ổn định, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Từ chỗ chỉ có 1 điểm giao dịch với 25 cán bộ nhân viên, cơ sở vật chất hết sức khiêm tốn vào ngày đầu thành lập, đến nay quy mô của Ngân hàng đã lớn mạnh gấp nhiều lần với số vốn huy động tăng 511 lần, vốn chủ sở hữu tăng 26 lần và tổng tài sản đạt 7.000 tỷ đồng, riêng tổng lợi nhuận đạt con số trên 500 tỷ đồng, đặc biệt năm 2004 là năm đầu tiên Ngân hàng đạt lợi nhuận trên 100 tỷ đồng. Hiện tại Ngân hàng có gần 500 nhân viên chuyên nghiệp, hệ thống chi nhánh và Phòng Giao dịch trải rộng trên cả nước và có quan hệ đại lý với 300 ngân hàng quốc tế tại trên 56 quốc gia trên thế giới.

Để đạt được những thành tựu đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng đã đồng lòng vượt qua nhiều khó khăn thử thách, không ngừng học hỏi và hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Mục tiêu của Ngân hàng là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam trong mảng thị trường đã lựa chọn, hoạt động đa năng, hiện đại, an toàn và hiệu quả. Để tiếp tục thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong thời gian tới, Ngân hàng Quân đội sẽ tiếp tục triển khai đề án đổi mới, tăng vốn điều lệ và mở rộng mạng lưới hoạt động, đầu tư phát triển nguồn nhân lực đạt trình độ chuyên nghiệp cao, hiện đại hoá công nghệ và phát triển thêm nhiều dịch vụ ngân hàng mới, đáp ứng sự tin tưởng của đông đảo quý vị khách hàng.

Chúng tôi có thể đảm bảo với Quý vị khách hàng và Cổ đông rằng, toàn thể các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ nhân viên Ngân hàng luôn phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí, tuân thủ pháp luật, không ngừng nỗ lực mọi mặt để ngày càng đáp ứng sự tin cậy của khách hàng, đảm bảo quyền lợi cao nhất của Quý vị cổ đông, góp phần đắc lực vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

Nhân dịp 10 năm thành lập Ngân hàng, tôi xin được chia sẻ niềm vui với Quý vị về sự trưởng thành và phát triển vững chắc của Ngân hàng Quân đội, đồng thời xin được thay mặt Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng cảm ơn sự chỉ đạo chặt chẽ, ủng hộ quý báu của Chính quyền và Ngân hàng Nhà nước các cấp, sự hỗ trợ tích cực của các Ngân hàng bạn và các đối tác, sự tin cậy của Quý vị cổ đông và lòng tin yêu ngày càng tăng của Quý vị khách hàng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHẠM TUÂN



TỔNG QUAN VỀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2004



Năm 2004, nền kinh tế thế giới có mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1986, đạt mức 5%, tuy vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn do tình hình chính trị an ninh ở nhiều khu vực và quốc gia không ổn định, giá năng lượng biến động mạnh, giá dầu lửa giao động ở mức cao. Hơn nữa, sự xung đột vũ trang, dịch bệnh, thiên tai cũng đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định kinh tế thế giới và của các quốc gia, trong đó có Việt nam. Trong năm 2004, việc điều chỉnh chính sách tiền tệ của các nước có nền kinh tế phát triển đã gây ra những biến động mạnh đối với thị trường tài chính thế giới. Đồng USD rớt giá kỷ lục so với EURO, Yên Nhật và các đồng tiền mạnh khác. Giá vàng dao động mạnh và ổn định ở mức cao.

Đối với Việt Nam, trong năm qua nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn và thách thức tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống xã hội như: dịch cúm gia cầm lan rộng, thiên tai nặng nề, giá cả một số mặt hàng nhập khẩu quan trọng tăng cao... Tuy nhiên, Việt Nam cũng đã gặt hái được một số thành tựu quan trọng: GDP tăng trưởng 7,6% - tăng trưởng với tốc độ cao đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á, sản lượng công nghiệp tăng 15,6%, kim ngạch xuất khẩu tăng 24%, vốn đầu tư của toàn xã hội đạt gần

36% GDP, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 35%... Đồng thời, Việt Nam cũng tạo lập được một môi trường chính trị ổn định và an toàn, tạo thuận lợi cho việc thu hút đầu tư. Trong năm, Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách vĩ mô liên quan đến thuế, hải quan, đất đai, thủ tục hành chính... nhằm khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư. Ngoài ra, Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu trong việc tăng cường đa phương, đa dạng hoá quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng

thị trường, tranh thủ các nguồn viện trợ và đầu tư. Việt Nam cũng đã nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý điều hành vĩ mô, gia tăng khả năng thích ứng với sự biến động của nền kinh tế thế giới và từng bước chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Về thị trường tài chính - tiền tệ, trong năm 2004, Ngân hàng Nhà nước vẫn duy trì lãi suất cơ bản ở mức 7,5%/năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng dư nợ và huy động năm 2004 đều thấp hơn so với năm 2003. Nợ xấu tăng 9,4% so với cuối năm 2003 nhưng chỉ chiếm 4,1% tổng dư nợ tín dụng, giảm 0,7% so với tỷ lệ nợ xấu vào cuối năm 2003. Tiến trình tái cơ cấu hiện đại hoá Ngân hàng vẫn tiếp tục được đẩy

mạnh. Các NHTM rất nỗ lực trong việc đầu tư ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm để nhằm nâng cao sức cạnh tranh, từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Tóm lại,

năm 2004 là một năm nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, các chỉ tiêu kế hoạch hầu hết đạt và vượt mức đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết như: Chất lượng phát triển chưa cao, chưa bền vững, chỉ số giá tiêu dùng còn cao (tăng 9,5%); Môi trường đầu tư chưa thuận lợi; Tiến trình sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước còn chậm...

Những vấn đề này đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục xây dựng những chương trình kế hoạch hành động cụ thể, xây dựng các cơ chế chính sách nhằm cải tiến, thúc đẩy kinh tế phát triển, tháo gỡ các khó khăn và tạo môi trường phát triển bình đẳng, thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2004



Ông LÊ VĂN BÉ

Tổng Giám Đốc

Hoạt động Huy động vốn

Năm 2004, tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng có sự tăng trưởng vượt bậc, đạt 4.933 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2003 và đạt 120% kế hoạch năm. Cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng đang tiếp tục tăng trưởng theo chiều hướng tốt đặc biệt lượng tiền gửi dân cư tăng lên đáng kể bằng 1,82 lần so với năm 2003 hay nói cách khác là tổng số dư tiền gửi dân cư trong năm 2004 gần bằng số dư tiền gửi dân cư tại ngân hàng của nhiều năm trước. Vốn huy động từ các tổ chức kinh tế tăng 64,57%.

Hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng đến 31/12/2004 là 3.898 tỷ đồng, tăng 32% so với năm ngoái và bằng 108% so với kế hoạch. Trong năm 2004, Ngân hàng chủ trương nâng cao chất lượng tín dụng, cơ cấu lại danh mục nợ vay, tăng cường các khoản tín dụng có tài sản bảo đảm và đẩy mạnh cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ và cho vay tiêu dùng.

Chất lượng tín dụng của Ngân hàng được cải thiện đáng kể. Trong năm 2004, Ngân hàng đã tích cực triển khai tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng, cơ cấu lại nợ, chuẩn hoá lại quy

trình, từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát rủi ro và các công cụ quản lý, chấp hành tốt các quy định hiện hành... Nhờ vậy, Ngân hàng đã hạn chế được rất nhiều những khoản nợ quá hạn mới phát sinh, thu hồi được phần lớn số nợ đọng năm trước và tỷ lệ trích lập dự phòng đạt trên 60% các khoản nợ quá hạn.

Hoạt động phi tín dụng

Hoạt động phi tín dụng trong năm 2004 đã có nhiều chuyển biến. Doanh thu từ hoạt động phi tín dụng tăng 60,34% so với năm 2003. Kết quả hoạt động phi tín dụng tập trung chủ yếu ở các mặt sau:

Hoạt động thanh toán quốc tế

Tổng kim ngạch thanh toán xuất nhập khẩu đạt 804,21 triệu USD năm 2004, tăng gần gấp đôi so với năm 2003. Đi đôi với việc tăng doanh thu, thu phí dịch vụ từ hoạt động thanh toán quốc tế cũng đạt mức tăng trưởng tích cực, tăng 28,6% so với năm 2003.

Tất cả các giao dịch, thanh toán đều được thực hiện đúng hạn và tuân thủ đúng tập quán quốc tế. Trong năm, Ngân hàng cũng đã thiết lập thêm được nhiều mối quan hệ với các Ngân hàng đại lý trên thế giới, nâng cao vị thế của ngân hàng trên thị trường tài chính tiền tệ.

Kinh doanh ngoại tệ

Cùng với việc triển khai đề án hình thành khối Treasury, hoạt động kinh doanh vốn và ngoại tệ trong năm 2004 cũng đã thu được những kết quả tích cực với tổng doanh thu tăng 89,2% so với năm 2003. Trong đó, doanh số mua bán ngoại tệ đạt xấp xỉ 450 triệu USD, tăng 70% so với năm 2003. Lãi từ kinh doanh ngoại tệ đạt tăng 75% so với năm 2003.

Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh của Ngân hàng trong năm 2004 vẫn tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp nhiều lợi nhuận cho ngân hàng. Tổng số dư bảo lãnh đến 31/12/04 đạt 784,93 tỷ đồng. Doanh số bảo lãnh tăng mạnh nhưng chất lượng của hoạt động bảo lãnh vẫn được đảm bảo. Kể từ khi cung cấp dịch vụ, Ngân hàng vẫn chưa phải thực hiện một nghĩa vụ bảo lãnh nào. Tổng phí bảo lãnh thu được trong năm tăng 68,57% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động kinh doanh thẻ

Trong năm 2004 là năm đầu tiên Ngân hàng Quân Đội triển khai sản phẩm thẻ ATM Active Plus. Đây là kết quả của sự hợp tác giữa Ngân hàng Quân Đội và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cùng 11 Ngân hàng thành viên khác. Sản phẩm thẻ ATM Active Plus của Ngân hàng Quân Đội có những điểm vượt trội hơn các sản phẩm thẻ ATM khác. Đó là khách hàng sử dụng sản phẩm thẻ sẽ được bảo hiểm cá nhân 24 giờ trong ngày tại công ty Bảo hiểm Viễn Đông. Việc triển khai dịch vụ thẻ không chỉ tạo ra một sản phẩm, một kênh huy động vốn mới mà còn làm phong phú thêm hoạt động dịch vụ, góp phần quảng bá

hình ảnh Ngân hàng Quân đội tới mọi tầng lớp dân cư.

Chương trình đổi mới Ngân hàng

Năm 2004 là năm đầu tiên Ngân hàng triển khai hoạt động đổi mới theo chương trình tổng thể đã được HĐQT phê duyệt về chiến lược phát triển, mô hình tổ chức, xây dựng cơ sở hạ tầng quản lý rủi ro với mục tiêu đưa Ngân hàng Quân đội trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu của Việt Nam trong mảng thị trường đã lựa chọn. Các hoạt động đổi mới cho đến nay đã tạo ra sự chuyển biến và đóng góp tích cực đến sự thành công của Ngân hàng.

Sự chuyển dịch theo mô hình quản lý mới theo hướng tách hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới khách hàng cùng với việc từng bước hoàn thiện quy trình, quy chế... đã thực sự mang lại hiệu quả ngày càng cao cho Ngân hàng.

Việc phát triển nguồn nhân lực thông qua một chính sách nhất quán giữa thu hút, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đã giúp cho Ngân hàng có một nguồn nhân lực ổn định và mang tính chuyên nghiệp ngày càng cao. Với đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ (phần lớn cán bộ quản lý có tuổi đời dưới 35) và trên 80% tốt nghiệp đại học trong và ngoài nước; gần 500 con người đang lao động và sáng tạo ở Ngân hàng Quân đội đã đóng vai trò mang tính quyết định cho những thành công của Ngân hàng Quân đội trong suốt 10 năm qua, đặc biệt là trong năm 2004.

Công tác đào tạo đã được thực hiện tốt so với mục tiêu đề ra. Trong năm, Ngân

hàng Quân Đội đã phối hợp với các trung tâm đào tạo, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng bạn tổ chức các khoá đào tạo có chất lượng cao như quản lý tín dụng, tài trợ xuất nhập khẩu, quản lý tài sản nợ và tài sản có, kiểm toán và kiểm soát nội bộ... trong đó có các khoá đào tạo dành cho các lãnh đạo cao cấp của Ngân hàng. Những chương trình này đã giúp đội ngũ cán bộ nhân viên Ngân hàng có cơ hội để học hỏi thêm kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn của các Ngân hàng trên thế giới, các ngân hàng bạn và tại chính Ngân hàng Quân đội.

Đề án đổi mới hệ thống Công nghệ thông tin bắt đầu bằng việc lựa chọn tư vấn đề xuất các giải pháp để đầu tư một phần mềm mới đủ sức đáp ứng cho yêu cầu phát triển theo chiến lược của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống an ninh mạng và triển khai hệ thống ATM trên địa bàn các thành phố trọng điểm.

Năm 2004 Ngân hàng Quân Đội đã chú trọng việc phát triển mạng lưới hoạt động. Ngân hàng đã mở thêm 3 chi nhánh tại Hà Nội, 1 chi nhánh tại Hải Phòng, 1 chi nhánh tại Đà Nẵng, 1 chi nhánh và 1 phòng giao dịch tại thành phố Hồ Chí Minh và hoàn thành thủ tục để chuyển Hội sở về địa điểm mới và thành lập Sở Giao dịch tại Tòa nhà Ngân hàng Quân đội tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Việc thành lập Chi nhánh cấp I Điện Biên Phủ, và hình thành các khối quản lý tại Hội sở theo mô hình tổ chức mới đã giúp phân định rõ hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh, tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Năm 2004 là một năm với rất nhiều sự

kiện đối với Ngân hàng Quân Đội. Trong năm qua, hoạt động truyền thông và quan hệ công chúng đã có những bước phát triển đáng kể. Ngân hàng đã tổ chức thành công lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Ngân hàng, tổ chức thành công sự kiện bán đấu giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng, tổ chức lễ giao lưu với các Ngân hàng bạn chào mừng 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam... Tất cả các hoạt động kể trên đã để lại nhiều ấn tượng tốt đối với các cơ quan quản lý, các đối tác, các cổ đông và khách hàng và góp phần nâng cao vị thế của Ngân hàng Quân đội trước công chúng và các nhà đầu tư.

Các công ty trực thuộc

Công ty Chứng khoán Thăng Long

Năm 2004, công ty Chứng khoán Thăng Long bắt đầu đi vào hạch toán độc lập và đã có những tiến bộ hơn so với những năm trước. Trong năm, công ty Chứng khoán đã đẩy mạnh hoạt động tư vấn cổ phần hoá, thực hiện tư vấn cổ phần hoá và đấu giá cho các doanh nghiệp. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2004 là trên 3 tỷ đồng.

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Năm 2004, Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, hoàn thành kế hoạch đề ra. Tính đến 20/11/2004, Công ty đã thu hồi được 5,6 tỷ đồng nợ quá hạn cho Ngân hàng. Ngoài ra trong năm 2004, công ty còn thay mặt Ngân hàng thực hiện tốt một số dự án đầu tư và liên doanh của Ngân hàng.

Những sự kiện lớn trong năm 2004 của ngân hàng TMCP Quân Đội

1. Được Ngân hàng Nhà Nước trao tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích góp phần hoàn thiện nhiệm vụ Ngân hàng năm 2003 (theo Quyết định số 1399/QĐ-NHNN ngày 29/10/2004).
2. Được trao "Giải thưởng thanh toán và quản lý tiền tệ trên thị trường quốc tế năm 2004" do Ngân hàng HSBC trao tặng.
3. Tổ chức thành công lễ bán đấu giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng Quân Đội cho công chúng đầu tư.
4. Tổ chức thành công lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Ngân hàng (1994-2004).
5. Tổ chức thành công lễ giao lưu với các Ngân hàng bạn nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.
6. Tổ chức thành công lễ ra mắt sản phẩm thẻ ATM Active Plus.
7. Khai trương Chi nhánh cấp I Điện Biên Phủ tại Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng.
8. Khai trương các chi nhánh cấp II tại Hà Nội, Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Kế hoạch hoạt động năm 2005

Theo kế hoạch năm 2005 đã được Đại hội cổ đông thông qua, Ngân hàng Quân Đội sẽ tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng, bổ sung thêm 90 tỷ từ lợi nhuận đưa tổng vốn chủ sở hữu lên 540 tỷ đồng, vốn huy động tăng 21%, dư nợ tăng 18% và đạt lợi nhuận trước thuế 120 tỷ đồng.

Ngân hàng Quân Đội sẽ tiếp tục đẩy mạnh huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế, nghiên cứu triển khai thêm các sản phẩm huy động vốn và tăng cường tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Ngân hàng. Đối với hoạt động tín dụng, Ngân hàng sẽ tiếp tục giữ vững mối

quan hệ với các khách hàng truyền thống và đa dạng hoá các loại hình cho vay trong đó đẩy mạnh cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đảm bảo tỷ lệ nợ quá hạn <1,5% tổng dư nợ. Tỷ lệ cho vay trung và dài hạn duy trì ở mức 35% tổng dư nợ. Đối với hoạt động dịch vụ, năm 2005, Ngân hàng Quân Đội sẽ phấn đấu đảm bảo thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng trên 30% so với năm 2004; tăng cường năng lực cạnh tranh của các sản phẩm hiện có đồng thời nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới theo hướng đa dạng về chủng loại, phong phú về hình thức, an toàn và tin cậy.

Với một quyết tâm đầu tư đổi mới công nghệ, Ngân hàng phấn đấu kết thúc giai đoạn chủ yếu của dự án công nghệ thông tin để có thể đưa vào vận hành trong nửa đầu năm 2006.

Năm 2005, Ngân hàng Quân Đội sẽ cơ bản hoàn thiện mô hình quản lý của một ngân hàng hai cấp, đồng thời khai trương Sở Giao dịch tại Hà Nội và hàng chục chi nhánh mới tập trung ở các khu vực đô thị trọng điểm trên cả nước nhằm khẳng định cam kết của Ngân hàng Quân Đội là không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và các tiện ích phục vụ khách hàng.

Cùng với việc mở rộng mạng lưới, củng cố tổ chức, Ngân hàng sẽ tuyển dụng mới hàng trăm lao động bao gồm cả các cán bộ quản lý có trình độ nhằm bổ sung nguồn nhân lực cho yêu cầu phát triển. Đồng thời một kế hoạch đào tạo phù hợp cũng được xây dựng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên nghiệp, khả năng quản lý, sử dụng tốt nhất nguồn lao động trẻ và đầy tiềm năng của Ngân hàng Quân đội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2004



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo Kiểm toán viên

Bảng Cân đối kế toán

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh Báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI



Ban Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội đã trình bày báo cáo này kết hợp với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004.

1. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004:

* Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm tài chính 2004 và vào ngày lập báo cáo tài chính này là:

- Ông Phạm Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Bé	Phó chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Gia Thọ	Ủy viên
- Ông Lê Văn Đạo	Ủy viên
- Bà Lưu Tuyết Mai	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Bảo	Ủy viên

* Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập Báo cáo tài chính này là:

- Ông Lê Văn Bé	Tổng giám đốc
- Ông Lê Công	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Quốc Tiến	Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Văn Minh	Phó Tổng giám đốc

2. Những hoạt động chính và những thay đổi đáng lưu ý đối với việc kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (sau đây viết tắt là "Ngân hàng") được thành lập Quyết định số 00374/GP-UB ngày 30 tháng 12 năm 1993 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy phép số 0054/NH- GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây được viết tắt là "NHNN") với thời hạn hoạt động là 50 năm.

Hiện nay, Ngân hàng có trụ sở chính được đặt tại số 28A Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, Hà Nội; Ngân hàng có các chi nhánh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Ngân hàng được thể hiện tại điểm 1 thuyết minh báo cáo tài chính số I, ngoài ra Ngân hàng không có hoạt động kinh doanh nào khác.

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Ngân hàng trong năm tài chính 2004:

Số liệu cụ thể về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004 của Ngân hàng được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng báo cáo tài chính năm 2004 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2004 và kết quả kinh doanh năm 2004 của Ngân hàng. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các nguyên tắc kế toán và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

Vào ngày lập báo cáo này không có một khoản nợ bất ngờ hay khoản mục bất thường mang tính trọng yếu nào phát sinh kể từ khi kết thúc năm tài chính 2004 mà chưa được nêu trong báo cáo tài chính này.

Trong năm, ngoài những khoản thù lao được nhận theo hợp đồng, cam kết, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc không nhận bất cứ khoản thu nhập nào từ Ngân hàng. Không có bất cứ một sự dàn xếp nào có lợi riêng cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH KPMG được chỉ định kiểm toán Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2004.

Hà nội, ngày 26 tháng 3 năm 2005

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Thay mặt Hội đồng quản trị

LÊ VĂN BÉ

PHẠM TUÂN

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP



Phạm vi kiểm toán

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội
(Thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 cùng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 4 đến trang 18. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2003 do công ty kiểm toán khác kiểm toán. Các báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2004 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các báo cáo tài chính của Ngân hàng do những giới hạn về phạm vi kiểm toán.

Ngoại trừ những vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban lãnh đạo, cũng như cách trình bày tổng thể của các báo cáo tài chính.

Các giới hạn về phạm vi kiểm toán

1. Công ty kiểm toán khác đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2003 do những giới hạn về phạm vi kiểm toán. Chúng tôi đã không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán để có được sự thỏa mãn về ảnh hưởng của việc đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ của công ty kiểm toán trước đối với các báo cáo tài chính năm nay cũng như đối với tính trung thực và hợp lý của các số liệu so sánh.
2. Như trình bày trong Thuyết minh số 2(a) và thuyết minh số 7 của các báo cáo tài chính, Ngân hàng sở hữu toàn phần hai công ty con là Công ty Chứng khoán Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội. Các khoản đầu tư này đã chưa được hợp nhất vào báo tài chính của Ngân hàng. Việc chưa hợp nhất này là chưa theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - "Báo cáo tài chính và kế toán đầu tư vào các công ty con". Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo nguyên giá. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng có thể sẽ thay đổi nếu các công ty con này được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Ngân hàng đã chưa áp dụng việc trình bày về các bên liên quan và các giao dịch với bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" do các thông tin chưa sẵn có.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2004, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận ở Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số 04-02-191

Phó Tổng Giám Đốc

Kiểm toán viên

MARK JEROME

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

HỒ VIỆT HÀ

Chứng chỉ kiểm toán viên số 676/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2004

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

	Thuyết minh	2004 Triệu Đồng	2003 Triệu Đồng (đánh giá lại)
TÀI SẢN			
Tiền mặt		67.411	46.598
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3	93.572	239.170
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	4	2.571.529	808.087
Đầu tư chứng khoán	5	63.017	71.761
Cho vay và ứng trước cho khách hàng (*)	6	3.455.160	2.691.422
Các khoản đầu tư	7	95.156	64.548
Tài sản cố định	8	92.955	30.195
Tài sản khác	9	70.340	79.712
Tổng tài sản		6.509.140	4.031.493
Nợ phải trả			
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác (*)	10	367.136	785.838
Tiền gửi của khách hàng		5.520.607	2.768.397
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam		14.880	14.880
Các nguồn vốn khác	11	52.454	46.824
Phải trả khác	12	66.507	31.914
Dự phòng thuế phải trả	13	5.817	5.336
Tổng nợ phải trả		6.027.401	3.653.189

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ	14	350.000	280.000
Các quỹ dự trữ	15	54.768	39.109
Lợi nhuận giữ lại		76.971	59.195
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu		481.739	378.304
Tổng nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu		6.509.140	4.031.493

Các khoản mục ngoại bảng

Thư tín dụng		5.991.381	1.178.086
Bảo lãnh		595.836	610.030
Hợp đồng kinh doanh ngoại tệ		-	46.824

* Số dư trên không bao gồm số dư nhận của các Ngân hàng khác cho các khoản vay đồng tài trợ là 442.274 triệu đồng (năm 2003 là 259.754 triệu đồng).



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2004

	Thuyết minh	2004 Triệu Đồng	2003 Triệu Đồng
Thu nhập tiền lãi và các thu nhập tương tự		301.772	208.526
Chi phí tiền lãi và các chi phí tương tự		(159.700)	(124.312)
Thu nhập lãi ròng		142.072	84.214
Thu nhập từ phí và hoa hồng - ròng		16.443	11.090
Lãi ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ		5.648	3.217
Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác		9.663	19.192
Tổng thu nhập		173.826	117.713
Lương và các chi phí liên quan		(16.047)	(10.984)
Khấu hao và phân bổ		(4.608)	(2.809)
Dự phòng nợ khó đòi	6	(20.746)	(17.255)
Chi phí quản lý		(28.386)	(14.126)
Tổng chi phí		(69.787)	(45.174)
Lãi từ hoạt động kinh doanh		104.039	72.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16	(28.656)	(21.686)
Lợi nhuận sau thuế		75.383	50.853



BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2004

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận giữ lại	Các quỹ	Tổng
	Triệu Đồng	Triệu Đồng (đánh giá lại)	Triệu Đồng	Triệu Đồng
Số dư tại ngày 1/1/2003	229.051	64.116	30.573	323.740
Tăng vốn điều lệ	50.949	-	-	50.949
Lãi ròng trong năm	-	50.853	-	50.853
Trích lập các quỹ	-	(10.324)	10.324	-
Phân chia cổ tức	-	(44.450)	-	(44.450)
Chi trả từ quỹ	-	-	(1.788)	(1.788)
Các biến động khác	-	(1.000)	-	(1.000)
Số dư tại ngày 31/12/2003	280.000	59.195	39.109	378.304
Số dư tại ngày 1/1/2004	280.000	59.195	39.109	378.304
Phát hành cổ phiếu	70.000	-	8.975	78.975
Lợi nhuận ròng trong năm	-	75.383	-	75.383
Trích lập các quỹ	-	(11.758)	11.758	-
Phân chia cổ tức	-	(44.651)	-	(44.651)
Chi trả từ quỹ	-	-	(5.222)	(5.222)
Các biến động khác	-	(1.198)	148	(1.050)
Số dư tại ngày 31/12/2004	350.000	76.971	54.768	481.739

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2004

	Thuyết minh	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lãi thuần trước thuế		104.039	72.539
<i>Điều chỉnh lãi thuần từ hoạt động kinh doanh</i>			
Khấu hao và phân bổ	8	4.608	2.809
Dự phòng nợ khó đòi		9.742	(8.290)
Lỗ /(Lãi) từ thanh lý tài sản cố định		98	(408)
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi trong tài sản và công nợ hoạt động kinh doanh			
		118.487	66.650
<i>Thay đổi trong tài sản và công nợ hoạt động kinh doanh</i>			
Tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác		455.531	620.888
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		(773.480)	(744.827)
Tài sản khác		11.750	(53.028)
Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác			(418.702)
Tiền gửi của khách hàng		2.752.210	(96.927)
Các nguồn vốn vay khác		5.630	46.824
Phải trả khác		34.386	(86.729)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thuế		2.185.812	169.308
Trả thuế thu nhập doanh nghiệp		(27.968)	(16.566)
Chi trả từ quỹ và các biến động khác		(6.272)	(2.788)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động kinh doanh		2.151.572	149.954

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đầu tư chứng khoán		-	(56.825)
Thanh lý chứng khoán		8.744	1.374
Tăng các khoản đầu tư khác		(13.408)	(10.600)
Thanh lý các khoản đầu tư khác		5.000	7.800
Tăng đầu tư vào các công ty con		(22.200)	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định		52	60
Mua tài sản cố định	8	(69.896)	(5.913)
Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động đầu tư		(91.708)	(64.104)

Hoạt động tài chính			
Phát hành cổ phiếu	14	78.975	50.949
Trả cổ tức	17	(44.651)	(44.450)
Các hoạt động tài chính khác		-	21.298
Lưu chuyển tiền ròng từ các hoạt động đầu tư	34.324	27.797	

Tăng tiền ròng và các khoản tương đương tiền		2.094.188	113.647
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	18	510.530	396.883
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	18	2.604.718	510.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994, do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng phản ánh các hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính tại Hà Nội và các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Đà Nẵng. Hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

a. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), làm tròn đến hàng triệu, được lập theo luật pháp và nguyên tắc kế toán Việt Nam, có thể khác với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước khác. Vì vậy, các báo cáo tài chính không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và các thể chế bên ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong Ngân hàng và với các năm trước.

Ngân hàng sở hữu toàn bộ hai công ty con là Công ty Chứng khoán Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội. Các công ty con này không được hợp nhất vào các báo cáo tài chính của Ngân hàng theo yêu cầu Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán đầu tư vào các công ty con". Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo nguyên giá.

b. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

c. Giao dịch ngoại tệ

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo cân đối kế toán. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch qui đổi tỷ giá và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

d. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân

hàng khác có thời gian đáo hạn trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

e. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán của Chính phủ và các chứng khoán khác. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích thu lãi trong thời gian ngắn được phân loại là công cụ kinh doanh. Các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư được lập theo Nghị định 166/1999/NĐ-CP của Chính phủ.

f. Cho vay và ứng trước

Quyết định 488/2000/QĐ-NHNN5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2000 yêu cầu các ngân hàng lập dự phòng trên cơ sở hàng quý cho các khoản vay và ứng trước. Dự phòng cho những khoản nợ khó đòi tại ngày kết thúc niên độ kế toán

(tức ngày 31 tháng 12) được tính dựa trên số dư nợ tại ngày 30 tháng 11 trong cùng năm đó như sau:

Loại	Tình trạng nợ quá hạn của các khoản vay và ứng trước		Tỷ lệ dự phòng
	Cho vay có bảo đảm	Cho vay không có bảo đảm	
1	Trong hạn	Trong hạn	0%
2	Quá hạn trả nợ dưới 181 ngày	Quá hạn trả nợ dưới 91 ngày	20%
3	Quá hạn trả từ 181 ngày đến 361 ngày	Quá hạn trả nợ từ 91 ngày đến 181 ngày	50%
4	Quá hạn trả từ 361 ngày trở lên	Quá hạn trả nợ từ 181 ngày trở lên	100%

Cũng theo yêu cầu của quyết định này, các khoản dự phòng đã lập chỉ được sử dụng để xử lý rủi ro đối với những khoản cho vay có bảo đảm bằng tài sản đã quá hạn trả nợ từ 721 ngày trở lên và những khoản cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đã quá hạn trả nợ từ 361 ngày trở lên. Nếu khoản dự phòng đã lập không được coi là cần thiết nữa, việc hoàn nhập dự phòng sẽ được thực hiện vào ngày 1 tháng 3 năm sau.

Không có khoản dự phòng nào khác được lập cho các khoản nợ khó đòi và rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự trữ tài chính được lập theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (xem Thuyết minh số 15).

g. Tài sản cố định hữu hình

● Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định

hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế không được hoàn lại và các chi phí trực tiếp khác để đưa tài sản đến nơi sử dụng và điều kiện sử dụng cho mục đích đã định. Các chi phí phát sinh sau khi đã đưa tài sản cố định hữu hình vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và chi phí sửa chữa lớn, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng tỏ một cách rõ ràng rằng các chi phí phát sinh làm tăng lợi ích kinh tế tương lai gắn liền với việc sử dụng một tài sản cố định hữu hình so với khả năng hoạt động ban đầu của tài sản, các chi phí đó sẽ được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

● Khấu hao

Khấu hao được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên phương pháp đường thẳng để ghi giảm nguyên giá của tài sản cố định trong thời gian

hữu dụng ước tính của các hạng mục tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

✦ Nhà cửa	28 năm
✦ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 -7 năm
✦ Phương tiện vận tải	6 -7 năm
✦ Các tài sản khác	5 năm

h. Tài sản cố định vô hình

● Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định dựa trên giá trị được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất vĩnh viễn sẽ không phân bổ, quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được phân bổ theo thời hạn được phép sử dụng đất là 50 năm.

● Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

i. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận trong năm bao gồm thuế hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số thuế ước tính phải trả tính trên lợi nhuận chịu thuế

trong năm theo mức thuế suất tại ngày lập bảng cân đối kế toán, cộng với những điều chỉnh cho các khoản thuế phải trả của các năm trước. Tài sản và công nợ thuế hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo cân đối kế toán.

j. Ghi nhận doanh thu

Thu nhập được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

k. Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

l. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

m. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính hoặc hoạt động. Ngân hàng đã không trình bày tất cả các thuyết minh về các bên liên quan và các giao dịch với các bên liên quan theo như yêu cầu tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan".

n. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo Thông tư số 07/2004/TT-BTC và Thông tư số 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài Chính, Ngân hàng phải lập Dự phòng trợ cấp mất việc làm. Dự phòng hàng năm từ 1% đến 3% tổng quỹ lương. Trước kia, theo Nghị định số 166/1999/NĐ-CP của chính phủ, Ngân hàng phải lập Quỹ trợ cấp mất việc làm.

Ngân hàng chưa chuyển số dư của quỹ trợ cấp mất việc làm sang dự phòng trợ cấp mất việc làm do các hướng dẫn về hạch toán kế toán của Ngân hàng Nhà nước sẽ có hiệu lực trong năm 2005.

o. Các khoản mục ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, Ngân hàng có các cam kết ngoại bảng.

● Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng tham gia các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh và giảm các rủi ro ngoại hối và các rủi ro khác của thị trường, đồng thời phục vụ cho mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết về việc mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai theo một tỷ giá định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền.

● Các cam kết và các công nợ chưa xác định

Ngân hàng cũng có các cam kết để cấp tín dụng dưới dạng các khoản cho vay

đã được chấp thuận. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và công nợ chưa xác định sẽ hết hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản này không phản ánh dòng tiền dự kiến trong tương lai.

Vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam không yêu cầu thuyết minh về các cam kết cho vay chưa giải ngân, Ngân hàng không trình bày các cam kết này trên các báo cáo tài chính.

p. Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư không được trình bày trong các báo cáo tài chính này thì có số dư bằng không.

3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm số dư trên tài khoản dự trữ bắt buộc và tài khoản vãng lai.

Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn 8% (31 tháng 12 năm 2003: 4%), 2% (31 tháng 12 năm 2003: 1%), 5% (31 tháng 12 năm 2003: 2%), 2% (31 tháng 12 năm 2003: 1%) theo thứ tự đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ

với kỳ hạn dưới 12 tháng, bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, bằng VNĐ với kỳ hạn dưới 12 tháng và bằng VNĐ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, được sử dụng làm cơ sở để tính quỹ dự trữ bắt buộc.

4. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng trong nước cũng như tại các ngân hàng nước ngoài.

5. Đầu tư chứng khoán

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
<i>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Trái phiếu chính phủ bằng Đô la Mỹ (i)	47.217	46.824
Trái phiếu chính phủ bằng VNĐ (ii)	14.800	24.800
Công trái giáo dục (iii)	1.000	-
Trái phiếu kho bạc	-	16
Công trái xây dựng tổ quốc	-	121
	63.017	71.761

- Trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm bằng Đô la Mỹ do Kho bạc nhà nước phát hành và hưởng mức lãi suất 3,5%/năm. Lãi suất trả hàng năm. Trái phiếu này được đầu tư theo hợp đồng ủy thác ký giữa Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam và Ngân hàng (xem Thuyết minh số 11).

- Trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm bằng VNĐ do Kho bạc nhà nước phát hành và hưởng mức lãi suất từ 6,5% đến 8,3%/năm (năm 2003: 6,5% đến 10%/năm). Lãi suất trả hàng năm.

- Công trái có kỳ hạn 5 năm do Kho bạc Nhà nước phát hành và hưởng mức lãi suất 8%/năm. Lãi suất trả hàng năm.



6. Cho vay và ứng trước cho khách hàng

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Ngắn hạn	2.196.316	1.851.677
Trung và dài hạn	1.227.516	815.790
Nợ quá hạn	33.126	17.493
Nợ xấu	8.079	6.597
Các khoản cho vay và ứng trước khác	14.914	14.914
	3.479.951	2.706.471
Trừ: Dự phòng nợ khó đòi	(24.791)	(15.049)
	3.455.160	2.691.422

* Số dư trên không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 442.247 triệu đồng (năm 2003 là 259.754 triệu đồng) (xem Thuyết minh số 10)

Biến đổi trong dự phòng nợ khó đòi trong cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1	15.049	23.340
Dự phòng ghi nhận vào chi phí	20.746	17.255
Hoàn nhập dự phòng	(1.564)	(6.706)
Xử lý nợ trong năm	(9.440)	(18.840)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	24.791	15.049

Dự phòng nợ khó đòi thể hiện khoản dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và nợ quá hạn tại ngày 30 tháng 11 năm 2004 được lập trong năm theo Quyết định 488/2000/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 11 năm 2000. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo các tiêu chí và tỷ lệ trích lập quy định trong Quyết định này.

7. Các khoản đầu tư

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Đầu tư vào các công ty con (*)	69.900	47.700
Các khoản đầu tư khác (**)	25.256	16.848
	95.156	64.548

(*) Khoản này bao gồm đầu tư hai công ty con mà Ngân hàng sở hữu toàn phần là Công ty Chứng khoán Thăng Long và Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội. Các khoản đầu tư này được đánh giá theo nguyên giá và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng. Cổ tức được ghi nhận khi nhận được. Chi tiết của các khoản đầu tư này tại thời điểm cuối năm như sau:

	2004 triệu Đồng (nguyên giá)	2003 triệu Đồng (nguyên giá)
Công ty Chứng khoán Thăng Long	43.000	43.000
Công ty Quản lý Nợ và Khai thác		
Tài sản Ngân hàng Quân đội	26.900	4.700
	69.900	47.700

(**) Khoản này phản ánh các khoản đầu tư thông thường vào các tổ chức kinh tế tại Việt Nam, ghi nhận theo nguyên giá.

8. Tài sản cố định

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Tài sản cố định hữu hình (*)	42.752	30.195
Tài sản vô hình (**)	50.203	-
	92.955	30.195

(*) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	triệu Đồng	triệu Đồng	triệu Đồng	triệu Đồng	triệu Đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22.183	13.798	5.272	2.564	43.817
Tăng	9.544	6.364	1.991	1.794	19.693
Giảm	-	(3.128)	(735)	(625)	(4.488)
Số dư cuối năm	31.727	17.034	6.528	3.733	59.022

Giá trị hao mòn

Số dư đầu năm	3.040	6.422	2.642	1.518	13.622
Hao mòn	1.026	2.550	798	234	4.608
Giảm	-	(1.572)	(11)	(377)	(1.960)
Số dư cuối năm	4.066	7.400	3.429	1.375	16.270

Giá trị còn lại

Số dư cuối năm	27.661	9.634	3.099	2.358	42.752
Số dư đầu năm	19.143	7.376	2.630	1.046	30.195

() Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất triệu Đồng	Phần mềm máy vi tính triệu Đồng	Tổng cộng triệu Đồng
Nguyên giá			
Tăng trong năm và số dư cuối năm	47.246	2.957	50.203
Giá trị hao mòn lũy tiến			
Hao mòn trong năm và số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	47.246	2.957	50.203

9. Tài sản khác

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Lãi dự thu	11.701	10.454
trả trước xây dựng trụ sở	42.661	22.912
Tạm ứng chi phí hoạt động	11.371	42.785
Các khoản phải thu khác	4.607	3.561
	70.340	79.712

10. Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước cũng như tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng trong nước. Số dư này không bao gồm số dư nhận của các ngân hàng khác cho các khoản cho vay đồng tài trợ là 442.247 triệu đồng (năm 2003 là 259.754 triệu đồng) (xem Thuyết minh số 6).

11. Các nguồn vốn khác

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (*)	47.217	46.824
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	5.237	-
	52.454	46.824

(*) Khoản này phản ánh khoản vay ủy thác từ Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam dùng để đầu tư vào trái phiếu chính phủ. Tổng số vốn tài trợ là 3.000.000 Đô la Mỹ, sẽ được trả khi trái phiếu đáo hạn. Ngân hàng thay mặt Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam đầu tư vào trái phiếu chính phủ (xem Thuyết minh số 5). Ngân hàng được nhận khoản phí là 0,1% tổng số tiền ủy thác. Tiền lãi của khoản đầu tư này sẽ được trả lại cho Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

(**) Khoản này thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thế Giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) để hỗ trợ cho Dự án Tài chính nông thôn II theo Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng Thế Giới và Bộ Tài Chính ngày 9 tháng 9 năm 2002 trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") là đơn vị thực hiện. Ngân hàng ký hợp đồng phụ với BIDV vào ngày 10 tháng 5 năm 2004. Tổng số vốn từ BIDV là 50.000 triệu Đồng Việt Nam, sẽ được điều chỉnh hàng năm và lịch trả nợ tùy thuộc vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản vay, như đã được xác định trong hợp đồng. Ngân hàng trả lãi suất là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng một khoản chênh lệch. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần.

12. Phải trả khác

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Lãi dự trả	32.937	21.858
Chi phí trích trước và các khoản phải trả khác	33.570	10.056
	66.507	31.914

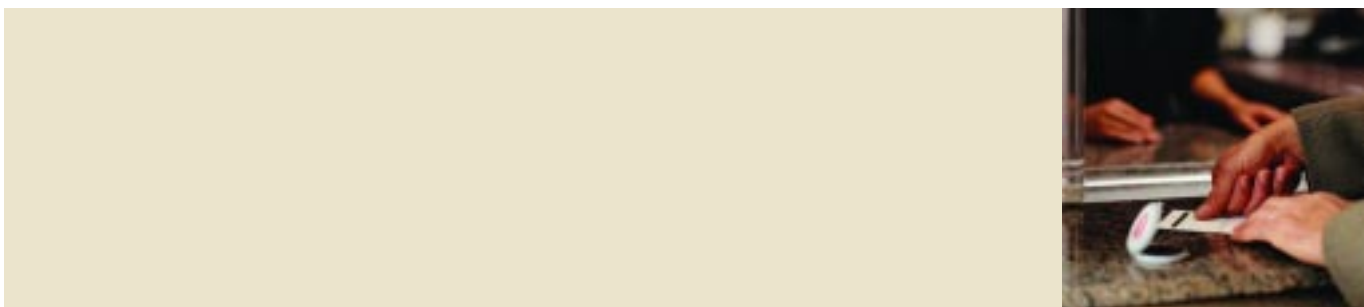
13. Dự phòng thuế phải trả

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.808	5.120
Các loại thuế khác	9	216
	5.817	5.336

14. Vốn điều lệ

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2004	280.000	229.051
Cổ phiếu phát hành trong năm (i)	70.000	50.949
	350.000	280.000

(*) Trong năm, Ngân hàng đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với tổng mệnh giá phát hành là 70.000 triệu VNĐ. Thặng dư khi phát hành có giá trị 8.975 triệu VNĐ, được ghi vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (xem Thuyết minh số 15).



15. Các quỹ dự trữ

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu Đồng	Quỹ dự trữ tài chính triệu Đồng	Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm triệu Đồng	Các quỹ khác triệu Đồng	Tổng cộng triệu Đồng
Số dư tại ngày 1/1/2003	9.237	14.936	1.411	4.989	30.573
Trích lập trong năm	2.069	4.294	785	3.176	10.324
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(8)	(1.780)	(1.788)
Số dư tại ngày 31/12/2003	11.306	19.230	2.188	6.385	39.109
Tăng từ phát hành cổ phiếu (*)	8.975	-	-	-	8.975
Trích lập trong năm	2.539	4.833	45	4.341	11.758
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(5.222)	(5.222)
Các biến động khác	-	4	144	-	148
Số dư tại ngày 31/12/2004	22.820	24.067	2.377	5.504	54.768

(*) Khoản này thể hiện giá trị thặng dư khi phát hành cổ phiếu trong năm (xem Thuyết minh số 14).

Theo Nghị định số 166/1999/ND-CP ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Chính phủ ban hành, các ngân hàng phải trích lập các quỹ trước khi phân chia lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Các quỹ dự trữ sau được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế, sau khi trừ khoản trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các chi phí không được khấu trừ.		
Quỹ dự phòng tài chính:	10% lợi nhuận còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc:	5% lợi nhuận còn lại	6 tháng lương của nhân viên

Việc phân bổ lợi nhuận vào các quỹ được thực hiện vào năm sau.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia, ngoài mục đích sử dụng đã được xác định cho từng quỹ.

Theo Thông tư số 07/2004/TT-BTC và Thông tư số 82/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính, các ngân hàng không phải kết chuyển sang Quỹ trợ cấp mất việc. Thay vào đó, các ngân hàng phải lập dự phòng trợ cấp mất việc (xem Thuyết minh số 2(p)).

Ngân hàng chưa chuyển số dư của quỹ trợ cấp mất việc làm sang dự phòng trợ cấp mất việc làm do các hướng dẫn về hạch toán kế toán của Ngân hàng Nhà nước sẽ có hiệu lực trong năm 2005.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập trong năm được tính dựa theo 28% tổng thu nhập trong năm (năm 2003: 32%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào chấp thuận của cơ quan thuế.

17. Phân chia cổ tức cho cổ đông

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Cổ tức phân chia đã được thông qua	24.901	31.495
Tạm ứng cổ tức	19.750	12.955
	44.651	44.450

18. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	2004 triệu Đồng	2003 triệu Đồng
Tiền mặt	67.411	46.598
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	93.572	239.170
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	2.443.735	224.762
	2.604.718	510.530

Bao gồm trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền là các khoản tiền và tương đương bằng các loại tiền tệ không phải là VNĐ có giá trị tương đương 2.366.942 triệu VNĐ (năm 2003: 247.315 triệu VNĐ).

19. Số liệu so sánh

Một số khoản mục nhất định trong số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo của năm nay.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

LÊ VĂN BÉ

PHẠM THỊ TỶ



BACKGROUND



Established in 1994, through 10 years of operation, the Military Bank has continuously done the business effectively and been assessed by the State Bank of Vietnam as one of the leading commercial joint stock banks of Vietnam.

The Military Bank serves diversified customers including enterprises and individuals of all economic sectors, among them there are state-owned, private enterprises, enterprises with foreign capital and individuals. With the motto of safe and efficient operation, the bank always attaches the customer's interest to that of the Bank, over the past years the Military Bank has been always the trusted companion of customer and its prestige is increasingly strengthened and developed.

The growth in capital and the scope of business of the Bank has been always stable and continuous through its 10 year of operation. Its charter capital has continuously increased from VND 20 billion in 1994 to 350 billion by the end of 2004. Its capital is expected to increase to VND 450 billion in 2005 to serve its operational need. The total asset has increased from VND 32 billion to over VND 6,900 billion. The pre-tax profit has raised from VND4.8 billion in 1995 to VND105.391 billion in 2004, contributing to make the bank to become one of the banks having the highest pre-tax profit among the commercial joint stock banks operating in Ha Noi. If considering the pre-tax profit over the ownership capital, in the past years the Military Bank has always maintained the ROE level at over 20%. Therefore, the annual dividend rate has reached 15-20%.



To meet the development demand, the Military Bank always expands its operational network. It has, so far, 17 branches and transaction offices in great economic hubs such as Hanoi, Ho Chi Minh city, Hai Phong and Da Nang. In 2005 the bank planned to continue to open 8 more branches in key cities to respond to the trust of customers.

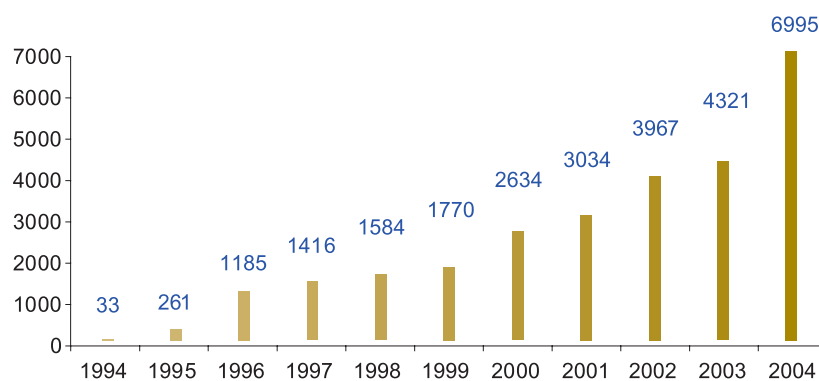
Along with the extension of the network of branches in the country, the Bank also attaches great importance to expanding its oversea payment network as well as Correspondent relationship with banks in the world. Until now the Bank's network of Correspondents has spread to more than 300 banks in 56 countries, ensuring the payment and transaction with all continents in the world.

Together with the extension of its operational network, the Military Bank always attaches importance to the investment and development of resources and the application of new technologies. With this guideline, the Bank's quality of service has been continuously improved, bringing to customers assurance, convenience and effectiveness when they use its services.

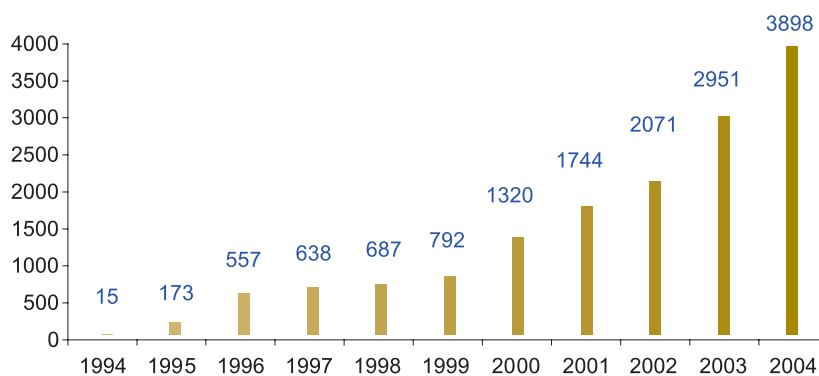
FINANCIAL HIGHLIGHT FROM 1994-2004



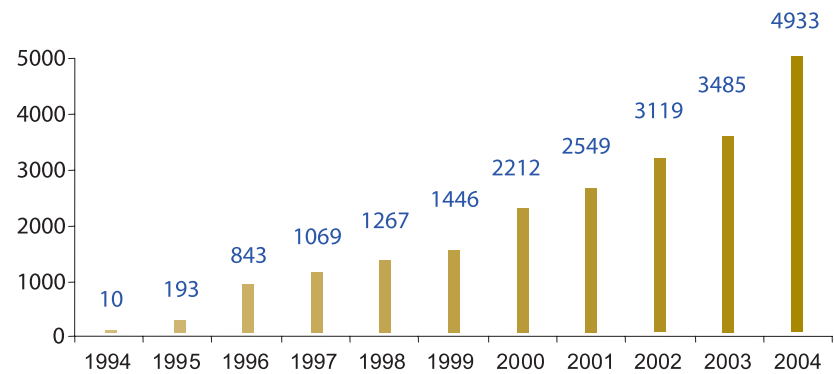
Total assets (in billion vnd)



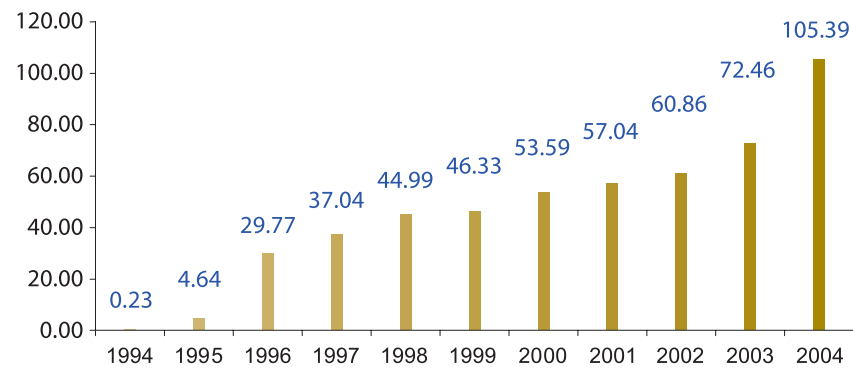
Total outstanding loans (in billion vnd)



Total funds mobilized (in billion vnd)

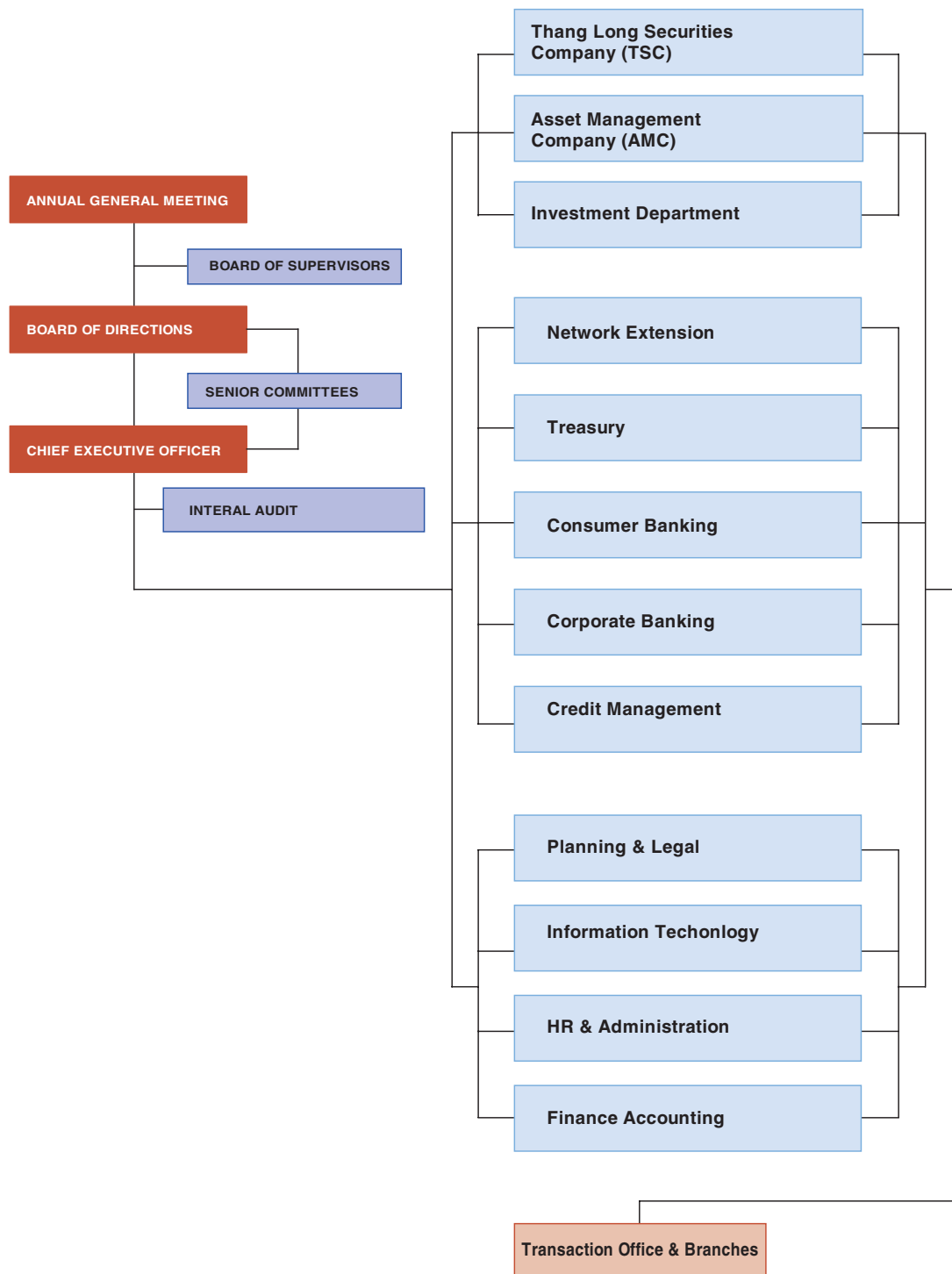


Profit before tax (in billion vnd)





ORGANIZATIONAL STRUCTURE 2004 - 2008



THE CHAIRMAN'S MESSAGE



Mr Pham Tuan
CHAIRMAN

2004 is a special landmark to the Military Bank as it marks 10 years of the Bank's formation and development.

The 10-year period has seen the Bank's miraculous development. Its business quality has always grown stably, profit gained from the next year has been always higher than the previous one. From the situation of having only one transaction point with 25 employees and very modest material infrastructures on the founding day, the Bank has been so far much more stronger with a mobilized capital raising 511 times, the ownership capital 26 times and the total asset valued at VND 7,000 billion; the total profit alone attained over VND 500 billion, especially the year of 2004 is the first one the Bank gained a profit of more than VND 100 billion. At present, the Bank has nearly 500 professional employees and a network of branches and transaction offices spreading across the country and it has correspondent relationship with 300 international banks in 56 nations in the world.

To gain these achievements the leading board together with the Bank's staff have overcome a lot of difficulties and challenges, ceaselessly learned and perfected professional skill to better serve the customers .

The Bank's goal is to become one of the leading commercial joint stock bank in Vietnam in the selected market section, with diversified, modern, safe and efficient activities. In coming years to implement the set goals, the Bank will continue to carry out the renovation, increase its charter capital, expand the operational network and invest in developing a highly qualified human resource, modernize technology and develop more new banking services to meet the trust of its clientele.

We can assure the customers and shareholders that all members in the Board of Management, the Board of Supervisor, the Board of Directors and the staff in the Bank will bring into full play the sense of solidarity and unanimity, the compliance with laws and make every effort to meet the trust of customers, ensuring the highest interest of shareholders, contributing to the nation's economic development.

On the occasion of the 10th anniversary of the Bank's foundation, I'd like to share the joyfulness with you about the sustainable growth and development of the Military Bank, and on the behalf of the Board of Management, the Board of Supervisor, the Board of Directors and all staff in the bank I want to express my gratitude to authorities at all level and the State Bank for their close guidance and assistance, I also thank friend banks and partners for having given us valuable and active support. Especially on this occasion I would like to convey my thanks to shareholders and customers for your confidence and affection .

Chairman

PHAM TUAN

(Signed and sealed)



REVIEW OF VIETNAM ECONOMY IN 2004



In 2004 the world economy saw the highest growth rate of 5% since 1986, although it still faced a lot of difficulties due to the unstable political and security situation in many regions, the price of energy changed strongly and the price of oil fluctuated at high level. Furthermore, armed conflicts, epidemics and natural disasters have also posed a lot of challenges to the economic stability of the world and nations, in which there is Vietnam. In 2004, the adjustment of the monetary policy of developed countries caused strong effects to the world's financial market. The US dollar fell to the record level as compared to the Euro, the Japanese Yen and other hard currencies. The price of gold fluctuated strongly and became stable at high price.

Last year, Vietnamese economy faced a lot of difficulties and challenges which directly affected every aspect of the social life such as: the wide spreading of bird flu, heavy disasters, the increase in price of important imports items... However, Vietnam also harvested important achievements: GDP increased by 7.6%, ranking second in the Southeast Asian region in term of growth rate, industrial production increased by 15.6%, export turnover raised by 24%, the investment capital of the whole society attained nearly 36% of GDP, foreign direct investment increased by 35%... Meanwhile Vietnam created a

stable and safe political environment, creating favourable condition for the attraction of investment capital. In the year the Government promulgated a series of macro policies on tax, customs, land, administrative procedures.. in order to improve the investment environment to encourage domestic and foreign investment in addition, Vietnam also recorded achievements in strengthening the multilateralization and diversification of external relations, expanding the market and winning sources of aid and investment. Vietnam made effort to improve the competitiveness of its economy,

developed human resources and increased the ability of the macro management, raised the adaptation capacity to the changes of the world economy and was step by step integrating into the international and regional economy.

Regarding the financial and monetary market, in 2004 the State Bank still maintained the basic interest at 7.5% a year. However, the growth rate of outstanding loan and capital mobilization in 2004 was lower than that of 2003. Bad debt increased 9.4% as compared to the late of 2003, but accounted only for 4.1% of the total credit loan, reducing 0.7% as compared to the rate of bad debt by the end of 2003. The process of restructuring the modern banking mechanism was continued to be

speeded up. Commercial banks made great effort in the investment to apply new technologies, raising the service quality, diversifying products so that to raise the competitiveness and step by step integrate into the world economy.

In brief, the year of 2004 has seen the continued and stable development of Vietnam economy, almost planned targets were achieved and surpassed the set ones. However, there were still a lot of problems needed to be solved such as: the development quality was still low and unsustainable, the consumer price indices were still high (increased 9.5%); the investment environment was not favourable; the process of restructuring and renovating state-owned enterprises was slow etc...

These problems require Vietnam to continue to build concrete action programmes and plans, and policy mechanisms in order to ameliorate and speed up the economic development, remove difficulties and create a fair and favourable development environment for all economic sectors.



REPORT OF THE GENERAL DIRECTOR ON THE OPERATIONAL SITUATION IN 2004



Mr LE VAN BE

Chief Executive Officer

Capital mobilization activity

In 2004, the Bank's total capital mobilization saw a miraculous growth reaching an amount of VND 4,933 billion, an increase of 42% as compared to the 2003 figure, attaining 120% of the yearly plan. The Bank's capital mobilization mechanism is continuing to grow in a good direction, in particular the amount of deposits from individual increased 1.82 times as compared to the 2003 figure, or in other words the total amount of deposit from individual in 2004 equaled nearly the deposit balance put in the Bank in many previous years. Capital mobilized from economic organizations raised 64.57%.

Credit activities

To 31 December 2004 the Bank's outstanding loan was VND 3,898 billion, increasing 32% against the last year and equaled 108% as compared to the plan. In 2004, the Bank laid down as a policy the increase of credit quality, restructuring the list of borrowed debt, strengthening credit items guaranteed by assets and speeding up the lending to medium and small enterprises and the lending for spending purpose.

The Bank's credit quality was improved considerably. In 2004 the Bank actively increased its control over credit activities, restructured debt, re-standardized

procedures and step by step perfected the risk control system and management tools, well observed current regulations.... Thank to these measures the Bank restricted a lot of newly arising overdue debts, and retrieved most of unpaid debts in previous year; the rate of amount drawn to build the reserve fund reached over 60% of overdue debts.

Non-Credit activities

Non-credit activities in 2004 had many changes. Turnover gained from non-credit activities raised 60.34% over the 2003 figure. The result of non-credit activities concentrated mainly on the following aspects:

International Trade Services.

The total turnover from export and import payment reached US\$ 804.21 million in 2004, doubling nearly the figure of 2003. Together with the increase in turnover, the collection of service fees from the international trade services also reached a positive growth rate of 28.6% as compared to 2003.

All transaction and payment were implemented in time and in compliance with international convention. In the year, the Bank established more relations with correspondents in the world, raising the Bank's position in the financial and monetary market.

Treasury currency business

Together with the implementation of the project to form the Treasury bloc, the activities in treasury business also harvested positive results with a total turnover increasing 89.2% against 2003. In which, the turnover from buying and selling foreign currencies was nearly US\$ 450 million, increasing 70% as compared to 2003. Profit gained from foreign currency business increased 75% over 2003.

Guarantee Issuance

The Bank's guarantee issuance in 2004 continued to attain a high growth rate, contributing a lot of income to the bank. The total guaranteed balance till 31 December 2004 reached VND 784.93 billion. The guarantee turnover increased strongly while the quality of the guaranteeing activity was ensured. Since the provision of the service, the Bank has not yet implemented any guaranteeing obligation. The total guaranteeing fee collected in the year increased 68.57% against the same period of previous year.

Card service

2004 was the first year the Military Bank launched the ATM debit card Active Plus card. This was the result of among between the Bank, Vietnam Commercial Bank other 11 member banks. The ATM Active Plus Card of the Military Bank has superiority over other AMT card by the fact that customer using the card will enjoy the individual insurance for 24h per day at Vien Dong Insurance Company. The launching of the card service created not only a product, a new capital mobilization channel but also enriched the service activity, contributing to the popularization of the Bank's image to every population

section in society.

Bank's Reform Program

2004 was the first year the Bank implemented the renovation activity according to the master programme adopted by the Board of Management on the development strategy, the organizational model and the building of risk management infrastructure with the aim to bring the Military Bank to become one of the leading commercial joint stock banks in Vietnam in the selected market section. The renovation activities have so far created changes and active contributions to the Bank's success.

The shift to the new management model in the direction of separating the management activities from the business activities, raising the quality of service, targeting on customer, and step by step perfecting procedures, regulations... all this has brought effectiveness to the Bank.

The development of human resource carried out through a consistent policy between attraction and training, employment and treatment helped the Bank have a stable and highly professional human resource. The Bank has a contingent of young employees (the majority of managing officials is under 35) and over 80% of graduates from domestic and oversea universities; nearly 500 people working and making creation at the Military Bank have played a decisive role for the Bank's successes in the past 10 years, especially in 2004.

The training work has been well implemented as compared to the set target. In the year, the Bank coordinated with training centres, the State Bank and

other banks to organize high quality training courses on credit management, export import, financing management of debit and credit assets, auditing and internal control... in which there have been the training courses devoted to the Bank's high ranking leaders. These programmes helped the Bank's staff have the opportunities to acquire more knowledge and practical experiences from friend banks, banks in the world and from itself the Bank.

The project to renovate the IT system was started by selecting consultants, making suggestion of solutions to invest a new software capable of meeting the development requirement set in the Bank's strategy. The Bank, at the same time, completed the system of network security and launched the ATM system on the area of key cities.

In 2004 the Military Bank attached importance to developing its operational network by opening three more branches in Hanoi, one branch in Hai Phong and one branch in Ho Chi Minh city. The Bank fulfilled procedure to move its head office to the new location and established the Transaction Office at the Military Bank Building located at No.3 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi. The establishment of Dien Bien Phu branch of grade I and the formation of management blocs at the headquarter according to the new model helped identify the management activity and the business one, raising the effectiveness of the Bank's activities.

In 2004 the Military Bank saw a lot of events. The media activity and the public relation made considerable progresses. The Bank successfully organized the 10th anniversary of its founding and the

auction of the Bank's popular shares, organized the ceremony for relation exchange with friend banks on the occasion of the 60th anniversary of the establishment of the People's Army... All the above activities left good impression on management agencies, partners, shareholders and customers, contributing to raising the Bank's position before the public and investors.

Subsidiaries

TLC Thang Long Securities Company

In 2004, Thang Long Securities Company started practising the independent accounting and made more progresses than previous years. In the year the company enhanced the consulting activity for equitization, implemented the consultation on equitization and auction for enterprises. The pre-tax profit gained by the company in 2004 was over VND 3 billion.

Assets Management Company (AMC)

In 2004 the AMC achieved some encouraging results and fulfilled the set plan. To 20 November 2004 the company has retrieved for the Bank overdue debts worth VND 5.6 billion. In addition, in 2004 the company also represented the Bank well implementing some investment and joint venture projects of the Bank.

Great events of the military commercial joint stock bank in 2004

1. The Bank was awarded the Diploma of Merit by the State Bank (decision No.1399/QD-NHNN dated 29 October 2004) for making contribution to the perfection of the banking duties in 2003.

2. Receiving the "Prize for payment and monetary management in the international market in 2004" from the HSBC.

3. Successfully organized the auction ceremony of the Bank's popular shares to the investors.

4. Successfully organized the 10th anniversary of the Bank foundation (1994-2004)

5. Successfully organized the ceremony for relation exchange with friend banks on the occasion of the 60th anniversary of the foundation of Vietnam People's Army.

6. Successfully organized the ceremony to launch the ATM Active Plus card.

7. Opened Dien Bien Phu branch I in Hanoi and Da Nang branch.

8. Opened branches in Hanoi, Hai Phong and Ho Chi Minh city.

2005's Actions Plan

Under the 2004's Plan approved by the General, Shareholder's, Meeting, the Military Bank will raise its charter capital to VND 450 billion, add VND 90 billion from profit, bringing the total ownership capital to VND 540 billion, raise the mobilized capital by 21%, outstanding loans 18% and achieve a pre-tax profit of VND 120 billion.

The Military Bank will continue to boost the mobilization of capital from and corporations, study of more capital mobilizing products and intensify the propaganda and popularization of the Bank's image. Regarding the credit activity, the Bank will continue to maintain its relation with traditional

customers and diversify the lending forms, in which the loan to medium and small enterprises will be enhanced, ensure the rate of overdue debt lower than 1.5% of the total outstanding loan balance. The rate of medium and short-term loans will be maintained at a level of 35% of the total outstanding loan balance. Regarding the service activity the Bank strives to ensure the income in 2005 from this service will increase more than 30% as compared to 2004; raise the competitiveness of current products while study to launch new products in the direction of diversifying category and enriching form, ensuring the safety and reliability.

With the determination to put investment to renovate technology, the Bank will struggle to complete the main phase of the IT project so as to enable it to be operational in the first half of 2006.

In 2005, the Military Bank will basically perfect the management model of a two-level bank and at the same time open the Transaction Office in Hanoi and tens of new branches in key cities of the country in order to affirm its commitment to further raise the quality of service and utilities.

Together with the expansion of network and the consolidation of its organization, the Bank will recruit hundreds of employees including qualified management officials in order to add the essential manpower to the development requirement. At the same time, a suitable training plan will be built to raise the professional level, the management ability and the best use of the Bank's young and potential labour force.

FINANCIAL STATEMENT

TỶ GIÁ NGOẠI TỆ / EXCHANGE RATE			
HÀ NỘI	MOSCOW	LONDON	NEW YORK
USD	168.1	168.1	168.1
EUR	168.1	168.1	168.1
JPY	168.1	168.1	168.1
GBP	168.1	168.1	168.1
CHF	168.1	168.1	168.1
HKD	168.1	168.1	168.1
SGD	168.1	168.1	168.1

TIẾT KIỆM NHÀ LÃI CUỐI KỲ			
KY HẠN	HÌNH THỨC	TIỀN GỬI	Lãi suất
12 tháng	Hiện	100.000.000	10%
24 tháng	Hiện	100.000.000	11%
36 tháng	Hiện	100.000.000	12%
48 tháng	Hiện	100.000.000	13%

Report of the Board of Directors and the Board of Senior Management

Report of the auditor

Balance sheet

Profit and loss accounts 2004

Statement of cash flows 2004

Notes to the financial statement



REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF SENIOR MANAGEMENT



The Board of the Senior Management of Military Commercial Joint Stock Bank has presented this report accompanied with the audited financial report for the fiscal year ended 31st December 2004.

1. Members in the Board of Management and the General Director Board

Members in the Board of Management and the General Director Board who managed the Military Commercial Joint Stock Bank in the fiscal year ending on 31 December 2004:

* The Board of Management

Members in the Board of Management in the fiscal year 2004 and on the day of making this financial report included:

- Mr. Pham Tuan	Chairman of the Board of Management
- Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy Chairman of the Board of Management
- Mr. Le Van Be	Deputy Chairman of the Board of Management
- Mr. Pham Gia Tho	Member
- Mr. Le Van Dao	Member
- Mrs. Luu Tuyet Mai	Member
- Mrs. Nguyen Thi Bao	Member

* The General Director Board

Members in the General Director Board in the fiscal year and on the day of making this financial report included:

- Mr. Le Van Be	General Director
- Mr. Le Cong	General Deputy Director
- Mr. Dang Quoc Tien	General Deputy Director
- Mr. Le Van Minh	General Deputy Director

2. Main activities and noticeable changes with respect to the business of the Military Commercial Joint Stock Bank

The Military Commercial Joint Stock Bank (hereinafter called for short "The Bank")

was established under the Decision No.00374/GP-UB dated 30 December 1993 of Hanoi city's People Committee and operated following the Licence No.0054/NH-GP dated 14 September 1994 of the State Bank of Vietnam for a period of 50 years.

Actually, the Bank has the main office at No.28A Dien Bien Phu street, Ba Dinh district, Hanoi; besides the Bank has branches in Hanoi, Ho Chi Minh city, Hai Phong and Da Nang.

The Bank's main activities are described at point 1 of the Financial Report Interpretation No.I, besides the Bank has no other business activities.

The Bank's financial situation and business results in the fiscal year 2004:

Concrete figures on the Bank's financial situation and business results in the fiscal year ending on 31 December 2004 are shown in the Accounting Balance, the Report on the result of business activities and the Financial Report Interpretation.

3. Commitment of the Board of Management and the General Director Board

The General Director Board commits that the 2004 financial report has faithfully and reasonably reflected the Bank's financial situation at the date of 31 December 2004 and its business results achieved in 2004. The financial report was made and presented appropriately to Vietnam's current accounting principles and practices.

On the date of making this report there was no unexpected debt or any extraordinary essential arising items which have not been mentioned in this financial report since the termination of the 2004 fiscal year.

In the year, in addition to rewarding fees received from contracts, commitments, the Board of Management and the General Director Board did not receive any income from the Bank. There was no arrangement bringing private benefit to the members in the Board of Management and the General Director Board.

4. Auditor

The KPMG Co.Ltd. is designated as auditor of the Bank for the fiscal year ending on 31 December 2004.

Ha noi, March 26, 2005

**On behalf of the Board of
Senior Management**

**On behalf of the Board of
Directors**

LE VAN BE

PHAM TUAN

REPORT OF INDEPENDENT AUDITORS



Audit Scope

To: The Board of Directors
Military Commercial Joint Stock Bank
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

We have audited the accompanying balance sheet of Military Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") as of 31 December 2004 and the related statements of income, changes in equity and cash flows for the year then ended, as set out on pages 4 to 18. These financial statements are the responsibility of the management of the Bank. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. The financial statements of the Bank as of 31 December 2003 were audited by other auditors, whose report dated 29 March 2004 expressed a qualified opinion on those statements due to limitation of scope.

Except as discussed in the following paragraphs, we conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and International Standards on Auditing accepted in Vietnam. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management, as well as evaluating the overall financial statement presentation.

Qualifications

1. Other auditors expressed a qualified opinion on the financial statements as of 31 December 2003 due to limitation of scope. We were not able to apply audit procedures to satisfy ourselves as to all the effects of the previous auditors' qualifications on the current financial statements as well as on the truth and fairness of the corresponding figures.

2. As discussed in Notes 2(a) and 7 to the financial statements, the Bank has two wholly owned subsidiaries: Thang Long Securities Company Limited and Military Bank Assets Management Company Limited. These investments have not been consolidated in the Bank's financial statements, in contravention of Vietnamese Accounting Standard 25 - "Consolidated Financial statements and accounting for investments in subsidiaries". They have been recorded at cost. If these subsidiaries had been consolidated, a different position would have been shown by the Bank's financial statements.

3. The Bank has elected not to apply the requirement on disclosures on related parties and related parties' transactions which are required under Vietnamese Accounting Standard 26 - "Related parties disclosures" because the information is not available.

Qualified audit opinion

In our opinion, except for the matters referred to in the preceding paragraphs, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Bank as of 31 December 2004 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and accounting principles generally accepted in Vietnam.

KPMG Limited Vietnam

Investment Licence No. 863/GP

Audit Report No. 04-02-191

Deputy General Director

Auditors

MARK JEROME

CPA No. 0628/KTV

HO VIET HA

CPA No. 0676/KTV

BALANCE SHEET

As at 31/12/2004

	Note	2004 VND Million	2003 VND Million (restated)
ASSETS			
Cash on hand		67.411	46.598
Balances with the State Bank of Vietnam	3	93.572	239.170
Balances with other financial institutions	4	2.571.529	808.087
Investment securities	5	63.017	71.761
Loans and advances to customers (*)	6	3.455.160	2.691.422
Investments	7	95.156	64.548
Fixed assets	8	92.955	30.195
Other assets	9	70.340	79.712
Total assets		6.509.140	4.031.493
Liabilities			
Balances from other financial institutions (*)	10	367.136	785.838
Deposits from customers		5.520.607	2.768.397
Borrowings from the State Bank of Vietnam		14.880	14.880
Other borrowed funds	11	52.454	46.824
Other liabilities	12	66.507	31.914
Provision for taxation	13	5.817	5.336
Total liabilities		6.027.401	3.653.189

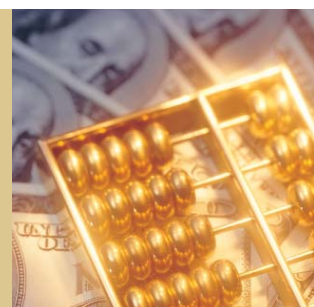
Shareholders' equity

Chartered capital	14	350.000	280.000
Reserves	15	54.768	39.109
Retained earnings		76.971	59.195
Total shareholders' equity		481.739	378.304
Total liabilities and shareholders' equity		6.509.140	4.031.493

Off-balance sheet items

Letters of credit		5.991.381	1.178.086
Guarantees		595.836	610.030
Foreign exchange contracts		-	46.824

* The above balances do not include the balance contributed by other banks in syndication loans of VND 442,247 million (2003: VND 259,754 million)



PROFIT AND LOSS ACCOUNTS 2004

	Note	2004 VND Million	2003 VND Million
Interest and similar income		301.772	208.526
Interest and similar expense		(159.700)	(124.312)
Net interest income		142.072	84.214
Fee and commission income - net		16.443	11.090
Foreign exchange profits - net		5.648	3.217
Other operating income		9.663	19.192
Operating income		173.826	117.713
Salaries and related expenses		(16.047)	(10.984)
Depreciation and amortisation		(4.608)	(2.809)
Provision for doubtful loans	6	(20.746)	(17.255)
General administration expenses		(28.386)	(14.126)
Operating expenses		(69.787)	(45.174)
Profit from operations		104.039	72.539
Corporate income tax expense	16	(28.656)	(21.686)
Profit after taxation		75.383	50.853



STATEMENT OF CHANGES IN EQUITY FOR THE YEAR ENDED 31/12/2004

	Chartered capital	Retained earnings	Reserves	Total
	Million VND	Million VND (Restated)	Million VND	Million VND
Balance at 1 January 2003	229.051	64.116	30.573	323.740
Increase in chartered capital	50.949	-	-	50.949
Net profit for the year	-	50.853	-	50.853
Transfer to reserves	-	(10.324)	10.324	-
Distribution to shareholders	-	(44.450)	-	(44.450)
Payments from reserves	-	-	(1.788)	(1.788)
Other movements	-	(1.000)	-	(1.000)
Balance at 31 December 2003	280.000	59.195	39.109	378.304
Balance at 1 January 2004	280.000	59.195	39.109	378.304
Issue of share capital	70.000	-	8.975	78.975
Net profit for the year	-	75.383	-	75.383
Transfer to reserves	-	(11.758)	11.758	-
Distribution to shareholders	-	(44.651)	-	(44.651)
Payments from reserves	-	-	(5.222)	(5.222)
Other movements	-	(1.198)	148	(1.050)
Balance at 31 December 2004	350.000	76.971	54.768	481.739

STATEMENT OF CASH FLOWS FOR THE YEAR ENDED 31/12/2004

	Note	2004 VND Million	2003 VND Million
OPERATING ACTIVITIES			
Net profit before tax		104.039	72.539
<i>Adjustments to reconcile net income to net cash provided by operating activities</i>			
Depreciation and amortisation	8	4.608	2.809
Provision for doubtful loans - net		9.742	(8.290)
Loss/(Gain) on disposal of property and equipment		98	(408)
Net cash provided by operations before changes in operating assets and liabilities		118.487	66.650
<i>Changes in operating assets and liabilities</i>			
Balances with other financial institutions		455.531	620.888
Loans and advances to customers		(773.480)	(744.827)
Other assets		11.750	(53.028)
Balances from other financial institutions			(418.702)
Deposits from customers		2.752.210	(96.927)
Other borrowed funds		5.630	46.824
Other liabilities		34.386	(86.729)
Net cash from operating activities before tax		2.185.812	169.308
Corporate income tax paid		(27.968)	(16.566)
Payments from reserves and other movements		(6.272)	(2.788)
Cash flows from operating activities		2.151.572	149.954

INVESTING ACTIVITIES

Acquisition of investment securities		-	(56.825)
Disposal of investment securities		8.744	1.374
Acquisition of equity investments		(13.408)	(10.600)
Disposal of equity investments		5.000	7.800
Increase in investments in subsidiaries		(22.200)	-
Proceeds from disposal of fixed assets		52	60
Acquisition of fixed assets	8	(69.896)	(5.913)
Cash flows from investing activities		(91.708)	(64.104)

FINANCING ACTIVITIES

Issue of share capital	14	78.975	50.949
Dividends paid	17	(44.651)	(44.450)
Other financing activities		-	21.298
Cash flows from investing activities		34.324	27.797

Net increase in cash and cash equivalents		2.094.188	113.647
Cash and cash equivalents as at 1 January	18	510.530	396.883
Cash and cash equivalents as at 31 December	18	2.604.718	510.530

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS FOR THE YEAR ENDED 31/12/2004



These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the accompanying financial statements.

1. Principal activities

Military Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is a joint stock commercial bank established in the Socialist Republic of Vietnam pursuant to Banking Licence No. 0054/NH-GP, dated 14 September 1994, of the Governor of the State Bank of Vietnam.

The financial statements of the Bank reflect the operations of its Head Office in Hanoi and its branches in Hanoi, Ho Chi Minh City, Hai Phong and Da Nang. Its principal activity is to provide banking and related financial services under the regulation of the State Bank of Vietnam.

2. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Bank in the preparation of these financial statements.

a. Basis of financial statement preparation

The financial statements, expressed in Vietnam Dong ("VND") rounded to the nearest million, are prepared in accordance with the laws and accounting regulations of Vietnam, which may differ in some material respects from International Financial Reporting Standards and the generally accepted accounting principles and standards of other countries. Accordingly, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with generally accepted accounting principles and practices in countries or jurisdictions other than Vietnam. Furthermore, their utilisation is not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices.

The financial statements are prepared on the historical cost basis. The accounting

policies have been consistently applied by the Bank and are consistent with those used in the previous year.

The Bank has two wholly owned subsidiaries: Thang Long Securities Company Limited and Military Bank Assets Management Company. Neither subsidiary has been consolidated in the Bank's financial statements as required under Vietnam Accounting Standard 25 - "Consolidated financial statements and accounting for investments in subsidiaries". The investments are stated at cost.

b. Fiscal year

The fiscal year of the Bank is from 1 January to 31 December.

c. Foreign currency transactions

Monetary assets and liabilities in currencies other than VND are translated into VND at rates of exchange ruling at the balance sheet date. Transactions in currencies other than VND during the year have been translated at rates approximating those ruling on transaction dates. Realised and unrealised foreign exchange differences are recorded in the income statement.

d. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents include cash on hand and balances with banks with term to maturity of less than 90 days at the balance sheet date.

e. Investment securities

Investment securities comprise Government and other securities. Those that the Bank holds for the purpose of short-term profit taking are classified as trading instruments. Those that the Bank has the intention and ability to hold to maturity are classified as held-to-maturity assets. Other investments are classified as available-for-sale assets.

Investment securities are stated at cost. Where appropriate, a provision will be made for diminution in value of investments in accordance with Government Decree No. 166/1999/ND-CP.

f. Loans and advances

Decision 488/2000/QĐ-NHNN5 dated 27 November 2000 issued by the State Bank of Vietnam requires provision to be made for loans and advances on a quarterly basis. The provision for doubtful debts disclosed at the balance sheet date (i.e.

31 December) is required to be based on the total outstanding balances as at 30 November of the same year as follows:

Category	Overdue status of loans and advances and interest receivable		Provision rate
	Secured	Unsecured	
1	Current	Current	0%
2	Overdue less than 181 days	Overdue less than 91 days	20%
3	Overdue between 181 and 361 days	Overdue between 91 and 181 days	50%
4	Overdue more than 361 days	Overdue more than 181 days	100%

In accordance with the requirements of the Decision, secured and unsecured loans and advances are only permitted to be written off against the provision when they have been overdue in excess of 721 days and 361 days respectively. If no longer required, the provision cannot be reversed until 1 March of the following year.

No general provisions are made for doubtful debts or for country risk, other than the financial reserve required by State Bank regulations (Note 15).

g. Tangible fixed assets

● Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties and non-refundable purchase taxes, and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have

been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul costs, is normally charged to the statement of income in the year in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of an item of

tangible fixed asset beyond its originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

● Depreciation

Depreciation is charged to the statement of income account on a straight-line basis over the estimated useful lives of items of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

- ✦ buildings and structures 28 years
- ✦ Office equipment 4 -7 years
- ✦ transportation equipment 6-7 years
- ✦ others 5 years

h. Intangible fixed assets

● Land use rights

Land use rights include costs incurred to acquire formal rights to use land. The initial cost is based on the costs incurred and the value of land approved by the Government at the time of acquisition. Land use rights with in-definite term are not amortised and land use rights with definite term are amortised on a straight-line basis over 50 years.

● Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software is amortised on a straight-line basis over 3 years.

i. Taxation

Corporate income tax on the profit or loss for the year comprises of current tax. Corporate income tax is recognised in the income statement. Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates approved at balance sheet date, and any adjustment to tax payable in respect of previous years. Deferred tax assets and liabilities are not recorded in the balance sheet.

j. Revenue recognition

Income is recognised in the statement of income on an accruals basis.

k. Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the income statement

on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the income statement as an integral part of the total lease expense.

l. Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred.

m. Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial or operational decisions. The Bank has elected to omit all of the disclosures on related parties and related parties' transactions which are required under Vietnamese Accounting Standard 26 - "Related party disclosures".

n. Provision for severance payments

Under the Ministry of Finance Circular 07/2004/TT-BTC and Circular 82/2003/TT-BTC, the Bank is required to create a provision for severance allowances. The annual provision is from 1% to 3% of total salary. Previously, under Government Decree 166/199/ND-CP, the Bank was required to create a Severance Reserve.

The bank has not yet transferred the outstanding balance of the Severance Reserve to the provision for severance allowances as the accounting guidance from the SBV will become effective in 2005.

o. Off-balance sheet items

In the normal course of business, the Bank has entered into off-balance sheet commitments.

● Foreign Exchange Contracts

The Bank enters into foreign exchange forwards which enable customers to transfer, modify or reduce their foreign exchange or other market risks and also trades these products for its own account.

Forward contracts are commitments to either purchase or sell a designated currency at a specific future date for a specific exchange rate and are settled in cash.

● Commitments and contingent liabilities

At any time, the Bank has outstanding commitments to extend credit. These commitments take the form of approved loans. The Bank also provides financial guarantees and letters of credit to guarantee the performance of customers to third parties. Many of the contingent liabilities and commitments will expire without being advanced in whole or in part. Therefore the amounts do not represent expected future cash flows.

Since Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese accounting system do not require the disclosure of undrawn loan commitments, the Bank does not present these commitments in the financial statements.

p. Nil balance

Items or balances that are not shown in these financial statements indicate nil balances.

3. Balances with the State Bank of Vietnam

This consists of a compulsory reserve for liquidity and a current account.

Under the State Bank of Vietnam's regulations relating to the compulsory reserve, banks are permitted to maintain a floating balance for the compulsory reserve requirement. The monthly average balance of the reserve must not be less than 8% (31 December 2003: 4%), 2% (31 December 2003: 1%), 5% (31 December 2003: 2%), 2% (31 December 2003: 1%) of the preceding month's average balances of deposits in foreign currencies with term of less than 12 months, deposits in foreign currencies with term from 12 to 24 months, VND deposits with term of less than 12 months and VND deposits with term from 12 to 24 months, respectively, used as a basis for calculating the compulsory reserve requirement.

4. Balances with other financial institutions

Balances with other financial institutions consist of current deposits and placements with local credit institutions as well as overseas banks.

5. Investment securities

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
<i>Held to maturity</i>		
Government bond in United States Dollars (i)	47.217	46.824
Government bonds in VND (ii)	14.800	24.800
Education bond (iii)	1.000	-
Treasury bond	-	16
National development bonds	-	121
	63.017	71.761

- This represents a five-year bond in United States Dollars issued by the State Treasury and earns interest at 3.5% p.a. Interest is payable annually. This bond is invested under a trust contract signed between Bao Viet Insurance Company and the Bank (refer to Note 11).
- These represent five-year bonds in VND issued by the State Treasury and earn interest at 6.5% to 8.3% (2003: 6.5% to 10%). Interest is payable annually.
 - This represents a five-year bond in VND issued by the Government and earns interest at 8%. Interest is payable annually.



6. Loans and advances to customers

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Short term loans	2.196.316	1.851.677
Medium and long term loans	1.227.516	815.790
Overdue loans	33.126	17.493
Bad loans	8.079	6.597
Other	14.914	14.914
	<u>3.479.951</u>	<u>2.706.471</u>
Provision for bad and doubtful loans and advances	(24.791)	(15.049)
	<u>3.455.160</u>	<u>2.691.422</u>

* The above balance does not include the balance contributed by other banks in syndication loans of VND 442,274 million (2003: VND 259,754 million) (Refer to Note 10)

The movement of provision against loans and advances to customers is as follows:

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Balance at 1 January	15.049	23.340
Provision charged to expense	20.746	17.255
Amounts written back	(1.564)	(6.706)
Amounts written off	(9.440)	(18.840)
Balance at 31 December	<u>24.791</u>	<u>15.049</u>

The provision for bad and doubtful loans and advances represent the specific provision for loan loss which is made during the year following Decision 488/2000/QĐ-NHNN5 dated 27 November 2000, on the outstanding balances and overdue amounts as at 30 November 2004. The calculation is made in line with the criteria and provisioning rates set out in that Decision.

7. Investments

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Investments in subsidiaries (*)	69.900	47.700
Equity investments (**)	25.256	16.848
	95.156	64.548

(*) This represents investments in two wholly owned subsidiaries: Thang Long Securities Company and Military Bank Assets Management Company Limited. These investments are stated at cost and are not consolidated in the Bank's financial statements. Dividends are recorded upon receipt. Details of these investments as at the year-end were as follows:

	2004 VND' mil (at cost)	2003 VND' mil (at cost)
Thang Long Securities Company	43.000	43.000
Military Bank Assets Management Company Limited	26.900	4.700
	69.900	47.700

(**) This represents equity investment in economic organizations in Vietnam stated at cost.

8. Fixed assets

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Tangible fixed assets (*)	42.752	30.195
Intangible fixed assets (**)	50.203	-
	92.955	30.195

(*) Tangible fixed assets

	Buildings & structures	Office equipment	Transportation equipment	Others	Total
	VND'mil	VND'mil	VND'mil	VND'mil	VND'mil
Cost					
Opening balance	22.183	13.798	5.272	2.564	43.817
Additions	9.544	6.364	1.991	1.794	19.693
Disposals	-	(3.128)	(735)	(625)	(4.488)
Closing balance	31.727	17.034	6.528	3.733	59.022

Accumulated depreciation

Opening balance	3.040	6.422	2.642	1.518	13.622
Additions	1.026	2.550	798	234	4.608
Disposals	-	(1.572)	(11)	(377)	(1.960)
Closing balance	4.066	7.400	3.429	1.375	16.270

Net book value

Closing balance	27.661	9.634	3.099	2.358	42.752
Opening balance	19.143	7.376	2.630	1.046	30.195

(**) Intangible fixed assets

	Land use rights VND'mil	Software VND'mil	Total VND'mil
Cost			
Additions and closing balance	47.246	2.957	50.203

Accumulated depreciation

Amortisation and closing balance	-	-	-
----------------------------------	---	---	---

Net book value

Closing balance	47.246	2.957	50.203
-----------------	--------	-------	--------

9. Other assets

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Interest receivable	11.701	10.454
Advances for construction of offices	42.661	22.912
Advances for operations	11.371	42.785
Others	4.607	3.561
	70.340	79.712

10. Balances from other financial institutions

Balances from other financial institutions consist of current deposits from local and overseas financial institutions as well as term deposit taken from local financial institutions. They do not include the balance contributed by other banks for syndication loans of VND 442,247 million (2003: VND 259,754 million) (Refer to Note 6).

11. Other borrowed funds

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Bao Viet Insurance Corporation (*)	47.217	46.824
Bank for Investment and Development of Vietnam (**)	5.237	-
	<u>52.454</u>	<u>46.824</u>

(*) (iii) This represents trusted funds from Bao Viet Insurance Corporation to invest in government bonds. The total fund is USD3,000,000, repayable upon the maturity of the invested bond. The Bank acts on behalf of Bao Viet Insurance Corporation to invest in government bonds (refer to Note 5). The Bank receives a fee of 0.1% on the trusted amount. Interest earned on the bond will be paid to Bao Viet Insurance Corporation.

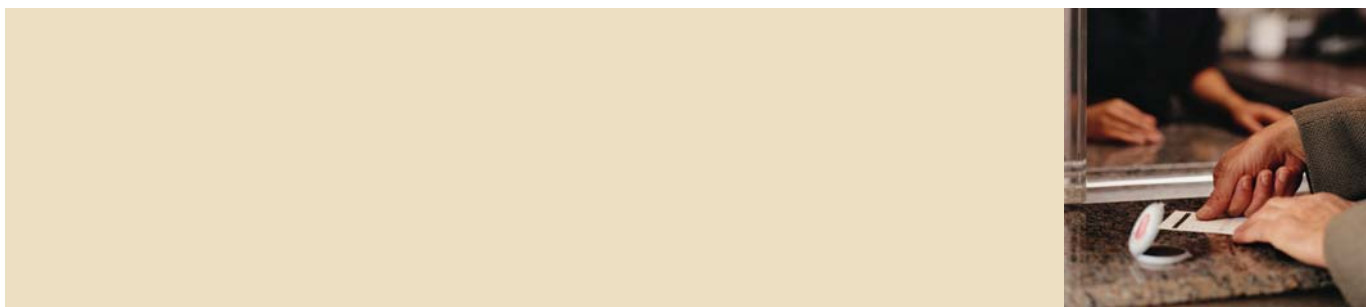
(**) (iv) This represents funds from the World Bank (through International Development Agency) to support II Rural Financial Project according to a Credit Agreement between the World Bank and the Ministry of Finance with the Bank for Investment and Development of Vietnam ("BIDV") as implementing agencies dated 9 September 2002. The Bank signed a sub-contract with BIDV on 10 May 2004. The total credit limit from BIDV is VND50,000 million and will be adjusted every year, repayable according to a specific repayment schedule depending on the term of each loan or group of loan in each specific contract. The Bank has to pay an interest rate at 6 month LIBOR plus a margin and this will be adjusted every 6 months.

12. Other liabilities

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Interest payable	32.937	21.858
Accruals and other payables	33.570	10.056
	66.507	31.914

13. Provision for taxation

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Corporate income tax	5.808	5.120
Other taxes	9	216
	5.817	5.336



14. Chartered capital

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Balance as at 1 January	280.000	229.051
Shares issued during the year (*)	70.000	50.949
	350.000	280.000

(*) During the year, the Bank has issued shares to increase chartered capital with face value of VND70,000 million. The share premium from the issue amounted to VND8,975 million and was recorded in the reserve to supplement chartered capital (refer to Note 15).

15. Reserves

	Reserve to supplement chartered capital VND'mil	Financial reserve VND'mil	Severance reserve VND'mil	Other reserve VND'mil	Total VND'mil
Balance as at 1 January 2003	9.237	14.936	1.411	4.989	30.573
Transfer during the year	2.069	4.294	785	3.176	10.324
Payments from reserves	-	-	(8)	(1.780)	(1.788)
Balance as at 31 December 2003	11.306	19.230	2.188	6.385	39.109
Issue of share capital (*)	8.975	-	-	-	8.975
Transfer during the year	2.539	4.833	45	4.341	11.758
Payments from reserves	-	-	-	(5.222)	(5.222)
Other movements	-	4	144	-	148
Balance as at 31 December 2004	22.820	24.067	2.377	5.504	54.768

(*) This represents share premium from the issue of share capital (refer to Note 14).

According to Decree 166/1999/ND-CP dated 19 November 1999 issued by the Government of Vietnam, banks are required to make the following allocation before distribution of profits:

	Annual allocation	Maximum balance
Reserve to supplement the chartered capital:	5% of profits after tax	Allocated capital
The following reserves are calculated based on the profits after tax, reserve to supplement capital and accumulated non-deductible losses.		
Financial reserve: Severance reserve:	10% of remaining profits 5% of remaining profits	25% allocated capital 6 months' salary of staff

The allocation of profit to relevant reserves is made in arrears.

The purpose of the financial reserve is to cover losses incurred during the normal course of business. This reserve together with the reserve to supplement chartered capital are non-distributable other than for their stated purpose.

According to Ministry of Finance Circular 07/2004/TT-BTC and Circular 82/2003/TT-BTC, banks are no longer required to make a transfer to Severance Reserve. Instead, banks are required to make a provision for severance allowances (Refer to Note 2 (p)).

The bank has not yet transferred the outstanding balance of the Severance Reserve to the provision for severance allowances as the accounting guidance from the SBV will become effective in 2005.

16. Corporate income tax

Corporate income tax is calculated on 28% of taxable profit (2003: 32%). The corporate income tax computation is subject to the agreement of the local tax authorities.

17. Distribution to investors

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Approved distributions	24.901	31.495
Advances for dividends	19.750	12.955
	44.651	44.450

18. Cash and cash equivalents

	2004 VND' mil	2003 VND' mil
Cash on hand	67.411	46.598
Balances with the State Bank of Vietnam	93.572	239.170
Balances with other financial institutions	2.443.735	224.762
	2.604.718	510.530

Included in cash and cash equivalents are cash and cash equivalents in currencies other than Vietnam Dong amounting to the equivalent of VND2,366,942 million (2003: VND247,315 million).

19. Comparative figures

Certain items in the comparative figures have been reclassified to conform with the current year's presentation.

Approved by:

General Director

Chief Accountant

LE VAN BE

PHAM THI TY



DANH SÁCH NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

LIST OF MILITARY BANK' CORRESPONDENTS



1. AUSTRALIA (AU)

- ANZ Bank. Melbourne
- Commonwealth Bank of Australia, Sydney

2. AUSTRIA (AT)

- Raiffeisen zentralbank oesterreich, Vienna

3. AMERICA (US)

- Abn Amro Bank, NV
- Deutsche Banker Trust Company
- Union Bank of California
- Bank one of Columbus, N.A, Columbus
- Bank one of Columbus, N.A, Dallas
- Bank of Tokyo-Mitsubishi, Seattle Branch
- California Bank & Trust, Los Angeles CA
- JP Morgan Chase Bank
- Citibank N.A
- Far East National Bank, Los Angeles CA
- Bank of New York
- Comerica Bank, Detroit, MI

- HSBC Bank
- National City Bank Cleveland
- UFJ Bank Ltd
- Standard Chartered Bank Los Angeles
- UFJ Bank Ltd, Los Angeles
- Standard Chartered Bank N.Y
- Wachovia Bank, Philadelphia

4. BELARUS (BY)

- Joint Stock Savings Bank Belarusbank, Minsk
- Belvnesheconnombank OJSC, Minsk
- Sombelbank. Minsk

5. BELGUM (BE)

- ABN Amro Bank, Brussels
- Fortis Bank, Brussels
- KBC Bank, N.V

6. CANADA (CA)

- ABN Amro Bank, Toronto
- Nova Scotia Bank, Toronto

7. CYPRUS (CY)

- Federal Bank of the Middle East Limited, Nicosia

8. CHINA (CN)

- Citibank N.A, Shanghai
- Citibank N.A, Beijing
- HSBC Bank, Shanghai (áp dụng cho tất cả các tỉnh ở TQ)+C20
- UF J Bank Limited, Dalian Branch
- UF J Bank Limited, Beijing Branch
- UF J Bank Limited, Shenzhen Branch
- UF J Bank Limited, Shanghai Branch
- Standard Chartered Bank, Shanghai
- Deutsche Bank, Shanghai

9. CZECH REPUBLIC (CZ)

- Ceskoslovenska Obchodni Banka, A.S
- Ebanka, A.S, Prague

10. DENMARK (DK)

- Abnaamro Copenhagen
- Danske Bank, A/S Copenhagen
- Citibank

11. ENGLAND (GB)

- Citibank N.A
- UF J Bank,
- Standard Chartered Bank, London
- National Westminster Bank PLC

12. FINLAND (FI)

- Svenka Handelsbanken, Helsinki

13. FRANCE (FR)

- Amro Bank, Paris ABN
- Calyon, Paris
- Natexis Banque Populaires
- Banque De Neuflyze, Schlumberger, Mallet, Demachy, Paris

14. GERMANY (DE)

- Natexis Banque Populaires
- Commerzbank AG C193
- Deutsche Bank, Frankfurt
- Dresdner Bank
- Hamburgische Landesbank Girozentrale, Hamburg
- Hamburger Sparkasse AG, Hamburg
- HSH Nordbank AG, Hamburg
- Bayerische Hypo-Und Vereinsbank AG
- UFJ Bank Ltd, Dusseldorf Branch
- Landes Bank Baden-Wuerttemberg, Stuttgart
- BHF Bank

15. HONGKONG (HK)

- ABN Amro Bank
- Citibank N.A
- Fortis Bank
- Belgian Bank
- HSBC Bank
- HSH Nordbank AG
- Nova Scotia Bank
- UF J Bank Ltd
- Standard Chartered Bank
- Bank Sinopac

16. HUNGARY (HU)

- Citibank

17. INDIA (IN)

- HSBC Bank, Mumbai
- UF J Bank Ltd, New Delhi Branch
- Standard Chartered Bank, Mumbai

18. INDONESIA (ID)

- Deutsche Bank, Jakarta
- Standard Chartered Bank, Jakarta
- HSBC Bank

19. IRELAND (IE)

- ABN Amro Bank, Dublin

20. ITALY (IT)

- Amro Bank, Milano ABN
- BANCA INTESA SPA and all of its branches
- Deutsche Bank, Milano
- Banco Popolare De Verona E Novara SCEL
- Banca Di Roma S.P.A

21. ISRAEL (IL)

- Bank Hapoalim B.M, Tel-Aviv

22. JAPAN (JP)

- ABN Amro Bank, Tokyo
- Bank of Tokyo-Mitsubishi, Tokyo
- Citibank, Tokyo
- HSBC, Tokyo
- ING, Bank, Tokyo
- Mizuho Corporate Bank, Ltd
- Nova Scotia Bank, Tokyo
- UFJ Bank, Nagoya
- UFJ Bank, Osaka

- Standard Chartered Bank, Tokyo
- Sumitomo Mitsui Banking Corporation

23. JORDAN (JO)

- Citibank, Amman

24. KOREA (KR)

- ABN Amro Bank, Seoul
- Chohung Bank, Seoul
- Citibank, Seoul
- Kookmin Bank, Seoul
- Hana Bank, Seoul, Korea
- Woori Bank, Seoul, Korea
- Korea Exchange Bank, Seoul
- Nova Scotia Bank, Seoul Nova Scotia
- Usan Bank, Seoul
- UFJ Bank Ltd, Korea
- Standard Chartered Bank
- Deutsche Bank
- Shinhan Bank, Seoul, Korea
- Daegu Bank Daegu

25. KAZAKHTAN (KZ)

- ABN Amro Bank, Alma-ATA

26. LATVIA (LV)

- Parex Bank

27. MALAYSIA (MY)

- ABN Amro Bank, Kuala Lumpur
- Citibank
- Malayan Banking Berhad
- HSBC Malaysia Bank Berhad, Kuala Lumpur

28. MONACO (MC)

- ABN Amro Bank, Monte-Carlo

29. NEW ZEALAND (NZ)

- ANZ Bank, Wellington

30. PAKISTAN (PK)

- HSBC , Karachi

31. PHILIPPINES (PH)

- HSBC, Manila

32 . POLAND (PL)

- ABN Amro Bank, Warszawa
- BRE Bank, S.A, Warszawa

33. RUMANIA (RO)

- ABN Amro Bank, Pucharest

34. RUSSIA (RU)

- Industrial Commercial Avtovazbank, Togliatti
- Avangard Joint Stock Commercial Bank, Moscow
- Guta Bank, Moscow
- International Investment Bank, Moscow
- Interprombank, Moscow
- Soyuz Joint Stock Commercial Bank, Moscow
- Bank'Saint Petersburg', ST. Petersburg
- Kras Bank CB, Moscow
- Bank of International Business, Moscow
- Nikoilibg Bank, Moscow

- Promsvyazbank, Moscow
- ROS Bank
- SBER Bank
- SDM Bank
- Vneshtorgbank

35. SINGAPORE (SG)

- ABN Amro Bank
- Natexis Banque Populaires
- Bank of Tokyo-Mitsubishi
- Citi Bank N.A
- Deutsche Bank
- Svenska Handelsbanken
- HSBC Bank
- ING Bank
- Nova Scotia Bank
- UFJ Bank Ltd
- Standard Chartered Bank
- United Oveas Bank
- BBL (S) Ltd

36. NETHERLANDS (NL)

- UF J Bank Nederland, Amsterdam
- ING Bank

37. SPAIN (ES)

- ABN Amro Bank, Madrid
- CITI Bank
- Deutsche BANK

38. SWEDEN (SE)

- Skandinaviska Enskilda Banken, Stockholm
- Fortis Bank, S.A Sucursal En Espana, Madrid
- Svenska HandelSbanken, Stockholm

39. SWITZERLAND (CH)

- ABN Amro Bank, Zurich
- Ing Belgium NV/SA, Brussels, Genevabranch
- Banque Cantonale De Geneve, Geneva
- Credit Suisse, Zurich
- Deutsche Bank, Zurich
- UBS Bank, Zurich
- BNP Paribas (Suisse) S.AM, Geneva

40. SLOVAKIA (SK)

- Unibanka A.S, BRATISLAVA

41. TAIWAN (TW)

- ABN Amro Bank, Taipei
- HSBC
- International Commercial Bank of China, Taipei
- Nova Scotia Bank, Taipei
- UF J Bank, Taipei
- Standard Chartered Bank, Taipei
- Bank Sinopac

42. THAILAND (TH)

- Bank of Asia Public Company Limited
- Deutsche Bank, Bangkok
- HSBC
- Nova Scotia Bank, Bangkok
- Standard Chartered Bank
- UFJ Bank Ltd, Bangkok

43. TURKEY (TR)

- Turkiye Is Bankasi A.S

44. UKRAINE (UA)

- First Ukainian International Bank, Donetsk
- Prominvestbank, Kiev

- VA Bank, Kiev
- Transbank, Kiev
- Privat Bank
- Ukreximbank

45. UNITED ARAB EMIRATE (AE)

- ABN Amro Bank, Dubai
- First Gulf Bank, ABU Dhabi
- Standard Chartered Bank, Dubai

46. VIETNAM

- ABN Amro Bank
- Natexis Banque Populaires, Hochiminh City
- Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)
- Bank for Investment and Development of Vietnam, H.O
- Calyon, HCMC
- Chinfon Commercial Bank, Hanoi
- CITIBANK N.A, HANOI Citibank N.A, Hanoi
- Deutsche Bank, HCMC
- Chohung Vina Bank, HCMC
- Hanoi Building Commercial Joint Stock Bank, Hanoi
- Indovina Bank Ltd, HCMC
- HSBC Bank, HCMC
- International Commercial Bank of China, HCMC
- Standard Chartered Bank, Hanoi
- Vietnam International Commercial Joint Stock Bank, Hanoi
- Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, Hanoi

47. BRUNEI DARUSSALAM

- HSBC Bank, Bandar Seri Begawan

MẠNG L-ỚI CÁC CHI NHÁNH VÀ CÔNG TY TRỰC THUỘC

LIST OF MILITARY BANK'S BRANCH NETWORK AND SUBSIDIARIES



HANOI

Head office

3 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi

Tel: 04.266 1088

Fax: 04.266 1080

Operation office

3 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi

Tel: 04.266 1384

Fax: 04.226 1385

Dien Bien Phu Branch

28A Dien Bien Phu, Ba Dinh, Hanoi

Tel: 04.8232 883

Fax: 04.823 3335

Ly Nam De Branch

14C Ly Nam De, Hoan Kiem, Hanoi

Tel : 04.733 1668

Fax: 04.747 1497

Hoang Quoc Viet Branch

184A Hoang Quoc Viet, Tu Liem, Hanoi

Tel: 04.7554303

Fax: 04.7554304

Thanh Xuan Branch

475 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi

Tel: 04.854 5459

Fax: 04.854 0414

Long Bien Branch

491A Nguyen Van Cu, Gia Lam, Hanoi

Tel: 04.873 3923

Fax: 04.873 3922

Le Trong Tan Branch

86 Le Trong Tan, Thanh Xuan, Hanoi

Tel: 04.565 6609

Fax: 04.565 6612

Minh Khai Branch

466 Minh Khai, Hai Bà Tr-ng, Hà Nội

Tel: 04.633 2285

Fax: 04.633 2306

Tran Duy Hung Branch

73 Tran Duy Hung, Thanh Xuan, Hanoi

Tel: 04.556 6645

Fax: 04.556 6650

Tay Ho Branch

665 Lac Long Quan, Tay Ho, Hanoi

Tel : 04.758 2082

Fax: 04.758 2084

Dong Da Branch

229 Tay Son, Dong Da, Hanoi

Tel: 04.563 9759/60/61

Fax : 04.563 9762

HOCHIMINH CITY

HoChiMinh City Branch

18B Cong Hoa, Tan Binh, HCMC

Tel: 08.811 8090

Fax: 08.811 8082

Ton Duc Thang Branch

2 Ton Duc Thang, 1 Dist, HCMC

Tel: 08.910 1288

Fax: 08.829 3675

Sai Gon Branch

112 Tran Hung Dao, 1 Dist, HCMC

Tel: 08.920 2278

Fax: 08.920 2272

Tan Cang Operation Office

Tan Cang, 22 Ward, Binh Thanh, HCMC

ĐT: 08. 512 4702

Fax: 08. 512 4701

HAIPHONG

Hai Phong Branch

2B Lach Tray, Ngo Quyen, Haiphong

Tel: 031.739124

Fax: 031.739120

Le Chan Brach

266 Tran Nguyen Han, Le Chan,
Haiphong

Tel: 031.718 452

Fax: 031.718 453

DANANG

Danang Branch

404 Hoang Dieu, Hai Chau, Danang

Tel: 0511-552111

Fax: 0511-552112

Vinh Trung Branch

358 Hung Vuong, Thanh Khe, Danang

Tel: 0511.689 555

Fax: 0511.689 556

Thang Long securities company limited

Head Office

14C Ly Nam De, Hoan Kiem, hanoi

Tel: 04.733 7671

Fax: 04.7337670

Ho Chi Minh City Branch

2 Ton Duc Thang, 1 Dist, HCMC

Tel: 08.910 2215

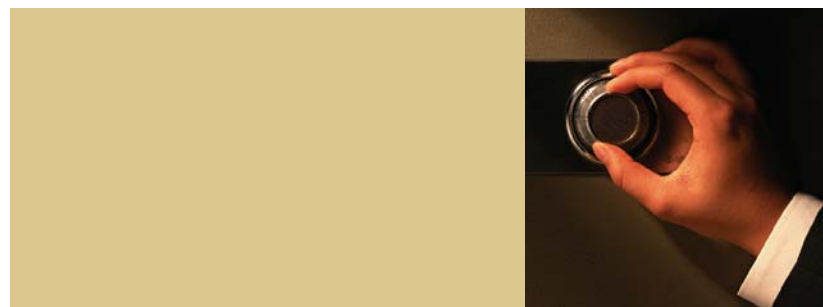
Fax: 08.910 2216

Military Bank assets management company limited

6-8 Chua Boc, Dong Da, Hanoi

Tel: 04.577 0575

Fax: 04.577 0576



Military Commercial Joint Stock Bank
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Asia Pacific Africa Regional

14/F Wing On Center
111 Connaught Road
Central, Hong Kong

Tel: (852) 2852 160
Fax: (852) 2854 007

Hanoi Head Office

8 Pham Ngoc Thach Street
Dong Da District, Hanoi, Vietnam

Tel: (84-4) 8524 12
Fax: (84-4) 8524 119/13
Email: vaco-hn@vacodtt.com
Website: www.vacodtt.com.vn

Ho Chi Minh City Branch

1105 Sai Gon Trade Center
37 Ton Duc Thang Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (84-8) 9100 751/75
Fax: (84-8) 9100 75
Email: dtthcm@hcm.netnam.vn